

MỤC LỤC

| Stt | Nội dung | Trang |
|-----|--|-------|
| 1 | Chương trình Đại hội | 2 |
| 2 | Dự thảo quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 | 3-6 |
| 3 | Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018 | 7-12 |
| 4 | Báo cáo kết quả SXKD của Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018 | 13-20 |
| 5 | Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018 | 21-35 |
| 6 | Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 | 36 |
| 7 | Báo cáo tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2017 và KH năm 2018 | 37 |
| 8 | Tờ trình thông qua việc kiện toàn nhân sự HĐQT, BKS Công ty | 38 |
| 9 | Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018 | 39 |
| 10 | Tờ trình thông qua phương án phân chia lợi nhuận, chia cổ tức năm 2017 và kế hoạch chia cổ tức năm 2018 | 40-41 |
| 11 | Tờ trình về chi trả tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018 | 42-43 |
| 12 | Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị Công ty | 44 |
| 13 | Tờ trình thông qua việc ký kết Hợp đồng Dự án Hóa dầu Long Sơn | 45 |
| 14 | Tài liệu đính kèm | 46 |
| - | <i>Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán</i> | |
| - | <i>Tóm tắt quá trình công tác của nhân sự HĐQT, BKS và các văn bản liên quan</i> | |
| - | <i>Phụ lục 1 và 2 về chi trả tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018</i> | |
| - | <i>Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và Phụ lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</i> | |

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CP KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
Ngày 15 tháng 6 năm 2018

| THỜI GIAN | NỘI DUNG |
|---------------|---|
| 7h30 - 8h30 | Đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu, đón tiếp khách mời |
| 8h30 - 8h50 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và công bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành. <i>Chào cờ, Khai mạc, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu</i> - Hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội - Giới thiệu và thông qua Ban chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình Đại hội - Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội |
| 8h50 - 10h15 | <p>Các nội dung đưa ra thảo luận để xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018; - Báo cáo kết quả SXKD của Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018; - Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018; - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; - Báo cáo tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018. - Tờ trình thông qua việc kiện toàn nhân sự HĐQT, BKS Công ty; - Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018; - Tờ trình phương án phân chia lợi nhuận năm 2017 và KH chia cổ tức năm 2018; - Tờ trình chi trả tiền lương/thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2017 và KH chi trả năm 2018; - Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; - Tờ trình thông qua việc ký kết Hợp đồng Dự án Hóa dầu Long Sơn. |
| 10h15 - 10h35 | Phát biểu của Lãnh đạo Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại Đại hội |
| 10h35 - 10h50 | Đại hội giải lao |
| 10h50 - 11h10 | Biểu quyết thông qua từng nội dung |
| 11h10 - 11h15 | Thông qua Biên bản kiểm phiếu |
| 11h15 - 11h30 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản Đại hội - Thông qua Nghị quyết Đại hội |
| 11h30 | Bế mạc Đại hội |

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 6 năm 2018.

ĐỰ THẢO QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2017;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông:

1. Các cổ đông của Công ty (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số/2018-PXS/VSD-ĐK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 31/5/2018) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định; cổ đông khi đi ra ngoài hội trường phải thông báo cho Ban thư ký và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch;

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;

4. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;

5. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;

6. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

7. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch:

1. Đoàn Chủ tịch gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Đoàn Chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

-
- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Ban Thư ký Đại hội:

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, được Đại hội biểu quyết tín nhiệm; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

- Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội;

Điều 4. Ban thẩm tra tư cách cổ đông:

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Hội đồng quản trị đề cử. Ban kiểm tra tư cách cổ đông bắt đầu thực hiện công việc từ ngày 12/6/2018 (Ngày cuối cùng đăng ký tham dự Đại hội) và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông:

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
- Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp.

Điều 5. Ban kiểm phiếu:

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;

- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện (trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu).

- Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tại ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 thẻ biểu quyết (màu xanh). Trên thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD, họ tên của cổ đông đó.

2. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết đồng ý thông qua thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý. Tương tự theo sự điều hành của Chủ tọa các cổ đông biểu quyết không đồng ý hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

3.1. Cứ 01 (một) quyền biểu quyết tương đương 01 (một) phiếu biểu quyết. Tại ngày chốt danh sách cổ đông do Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp (ngày

31/5/2018) tổng số cổ phần của Công ty là 60.000.000 cổ phần tương đương với 59.999.998 phiếu biểu quyết (do có 2 cổ phiếu quỹ).

3.2. Các nội dung trình và được thông qua tại đại hội nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Các nội dung về sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 8. Biên bản, dự thảo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 9. Thi hành Quy chế:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Quang

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA PVC-MS TRONG NĂM 2017:

Năm 2017 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với ngành Dầu khí trong nước, đặc biệt là lĩnh vực xây lắp dầu khí và Công ty PVC-MS cũng không nằm ngoài ngoại lệ đó. Đây là năm mà PVC-MS rơi vào tình cảnh cực kỳ khó khăn về công ăn việc làm cho người lao động, hầu như Công ty không có nguồn công việc mới mà công việc chủ yếu chuyển tiếp từ năm 2016 sang và chỉ đáp ứng được cho Công ty đến hết Quý II /2017. Bên cạnh đó, công nợ phải thu và khối lượng dở dang lớn khiến Công ty khó khăn trong việc cân đối dòng tiền, đồng thời chưa có các dự án gói đầu để duy trì hoạt động SXKD, cùng với áp lực về chi trả lương, chi phí tài chính, lãi vay ngân hàng, chi phí phải trả nhà thầu/ nhà cung cấp... tất cả những điều này đã làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 của PVC-MS.

Mặc dù được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Công ty mẹ, sự hỗ trợ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn, Bộ quốc phòng, sự tin tưởng của các cổ đông, Ban lãnh đạo Công ty đã cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động PVC-MS triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017, tuy nhiên do cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan nên các chỉ tiêu kinh tế năm 2017 của Công ty không đạt so với kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017:

Hội đồng quản trị với vai trò đại diện cho các cổ đông đã đưa ra các quyết định kịp thời, chỉ đạo sát sao, giám sát tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của HĐQT nhằm triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, từng bước tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để duy trì sự phát triển của Công ty.

1. Về các chỉ tiêu kinh tế:

Theo kế hoạch SXKD năm 2017 đã được Công ty mẹ phê duyệt và ĐHĐCĐ giao, với sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV-NLĐ, kết quả SXKD năm 2017 của Công ty đạt được như sau:

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2017 | KH điều chỉnh 2017 | Thực hiện 2017 | Tỷ lệ TH/KH (%) | Tỷ lệ TH/KH điều chỉnh (%) |
|-----|-------------------|-------------|---------------|--------------------|----------------|-----------------|----------------------------|
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 1.404,00 | 1.000,00 | 1.014,91 | 72,29 | 101,49 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 1.224,00 | 946,00 | 859,69 | 70,24 | 90,88 |

| | | | | | | | |
|---|----------------------|------------|--------|-------|-------|-------|-------|
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 80,00 | 4,50 | 2,04 | 2,55 | 45,33 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 64,00 | 3,60 | 0,94 | 1,47 | 26,11 |
| 5 | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 105,00 | 54,00 | 51,65 | 49,19 | 95,65 |
| 6 | Thực hiện đầu tư | Tỷ đồng | 16,62 | - | 0 | - | - |
| 7 | Thu nhập bình quân | Tr.đ/ng/th | 12,30 | | 9,70 | 78,86 | |

Các chỉ tiêu SXKD nêu trên không đạt so với kế hoạch ban đầu bởi các nguyên nhân sau:

- Về sản lượng: giá trị sản lượng đạt được chủ yếu từ các dự án chuyên tiếp của năm 2016 sang và chỉ đáp ứng trong 6 tháng đầu năm 2017, một số dự án theo kế hoạch có tiến độ thi công trong Quý III/2017 đều chậm triển khai nên trong 6 tháng cuối năm chưa có dự án khác gói đầu dẫn đến sản lượng không đạt kế hoạch phê duyệt.

- Về doanh thu: việc sản lượng giảm dẫn đến doanh thu giảm, mặt khác công tác nghiệm thu một số công trình còn chậm đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu, đặc biệt là khối lượng dở dang còn cao tại các dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Sông Hậu 1, KXD Nghi Sơn, Triyards...

- Về lợi nhuận: lợi nhuận đạt được thấp do nguồn thu chủ yếu từ các công trình năm 2016 chuyển sang và không có doanh thu từ các dự án mới, trong khi đó công nợ phải thu còn cao đặc biệt là tại 02 dự án lớn là Nhiệt điện Thái Bình 2 (tính đến thời điểm 31/12/2017 là khoảng 205 tỷ đồng); dự án Sửa chữa, nâng cấp các công trình DK của BQP (tính đến thời điểm 31/12/2017 là khoảng 444 tỷ đồng)...; và do chưa có dự án gói đầu để duy trì SXKD nhưng phải chịu chi phí tài chính 31,20 tỷ đồng và chi phí quản lý 54,00 tỷ đồng. Đồng thời việc các Chủ đầu tư tiết giảm mạnh chi phí đầu tư dẫn đến đơn giá chế tạo giảm mạnh so với các công trình tương tự những năm trước đây như Dự án Thỏ Trắng 3 áp dụng đơn giá chào thầu cạnh tranh. Ngoài ra một số công trình có tính chất đặc thù và phải thi công xa như Nhiệt điện Thái Bình 2, KXD Nghi Sơn dẫn đến chi phí cho dự án lớn ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty.

So với kế hoạch điều chỉnh được Công ty mẹ - Tổng công ty PVC phê duyệt tại Quyết định số 4253/QĐ-XLKD ngày 21/12/2017, giá trị sản lượng thực hiện năm 2017 của PVC-MS đạt 1.014,91/1.000 tỷ đồng đạt 108,95%, doanh thu đạt 859,69/946 tỷ đồng đạt 90,88% và lợi nhuận trước thuế đạt 45,33% kế hoạch điều chỉnh.

2. Về đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và kết quả đạt được, cụ thể:

| Stt | Nội dung | Tình hình thực hiện | Đánh giá |
|--|--|--|--------------------------|
| Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 87/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 | | | |
| 1. | Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 đã được ĐHĐCĐ thông qua | Trong năm 2017, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, giám sát và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch SXKD nhằm định hướng cho sự phát triển bền vững của Công ty. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn chung của toàn ngành nên các chỉ tiêu SXKD của PVC-MS không đạt so với kế hoạch đặt ra đầu năm. | Chưa hoàn thành kế hoạch |

| | | | |
|----|--|---|------------|
| 2. | Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2017 đã được ĐHĐCĐ thông qua | Thực hiện tốt việc chi trả thù lao HĐQT, BKS theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua. | Hoàn thành |
| 3. | Thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 | HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc thanh toán cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 13%/ vốn điều lệ hiện hành. | Hoàn thành |
| 4. | Thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 | Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017 của đơn vị. | Hoàn thành |

3. Về công tác giám sát điều hành:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, theo sát và giám sát Ban giám đốc để triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành.
- Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động SXKD thông qua các cuộc họp giao ban của Công ty, giao ban tại công trường với các Ban ĐHDA, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban giám đốc, Ban kiểm soát báo cáo Hội đồng quản trị. Qua đó kịp thời chỉ đạo toàn diện về các mặt hoạt động SXKD của Công ty.

4. Về công tác chỉ đạo hoạt động SXKD:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã cùng Ban giám đốc tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

- Đẩy mạnh giám sát, đảm bảo tiến độ và chất lượng các dự án trọng điểm của Tập đoàn như dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Sông Hậu 1, dự án 3P của Bộ quốc phòng mà PVC-MS thực hiện.
- Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu nhằm tìm kiếm thêm các nguồn công việc mới cho PVC-MS.
- Quyết liệt trong công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ tại các công trình/ dự án đảm bảo dòng tiền hoạt động cho Công ty, đặc biệt tập trung vào dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và dự án DK của Bộ quốc phòng.
- Tổ chức họp với từng Phòng chức năng, Ban ĐHDA, các Đơn vị trực thuộc để xem xét, giải quyết những tồn tại, khó khăn, vướng mắc đảm bảo công việc được xuyên suốt và hiệu quả.
- Chỉ đạo hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 1.525,6 m² của Công ty tại Tiền Giang.
- Chỉ đạo các đơn vị sản xuất tiếp tục cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ thi công để tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Triệt để thực hành tiết kiệm chống lãng phí cho từng công trình/ dự án, từng vị trí công việc nhằm tiết giảm chi phí mang lại hiệu quả cho đơn vị. Trong năm cũng đã tiết giảm được khoảng 12 tỷ đồng.

5. Về công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn lại các Phòng chức năng và Đơn vị trực thuộc Công ty theo hướng tinh gọn và nâng cao

hiệu quả công việc. Theo đó, đã tiến hành sáp nhập từ 10 Phòng xuống còn 6 Phòng chức năng; sắp xếp và chuyển đổi mô hình hoạt động các Chi nhánh thành Đội, từ 07 đơn vị xuống còn 06 đơn vị sản xuất trực thuộc.

- Đã rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành lại 03 quy chế quản lý nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế SXKD hiện nay của Công ty như Quy chế quản lý máy và thiết bị; Quy chế quản lý vật tư, công cụ dụng cụ; Quy chế tuyển dụng và đào tạo.

- Chỉ đạo công tác rà soát, định biên lại bộ máy theo mô hình mới, bổ nhiệm và luân chuyển một số vị trí lãnh đạo chủ chốt để phù hợp với năng lực cán bộ và sắp xếp lại lực lượng lao động hợp lý đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả SXKD.

6. Về công tác đầu tư:

Năm 2017, Công ty đã trình Công ty mẹ - Tổng công ty PVC và ĐHĐCĐ kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị với tổng giá trị là 16,62 tỷ đồng, tuy nhiên trong năm Công ty đã tạm dừng công tác đầu tư do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, việc tiếp tục triển khai công tác đầu tư sẽ làm cho dự án không khả thi.

7. Về công tác giám sát tài chính:

- Công ty luôn chú trọng và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành với Chủ đầu tư, công tác thu hồi vốn và các khoản nợ đọng từ các hợp đồng. Cơ cấu lại các nguồn công nợ phù hợp để giảm trả nợ vay, tăng hiệu quả sinh lợi cho hoạt động SXKD.

- Tăng cường công tác giám sát tài chính, đảm bảo chế độ kế toán lành mạnh, ổn định, chấp hành các quy định của Pháp luật và quy chế/ quy định của Công ty.

- Duy trì hạn mức tín dụng với các ngân hàng, tỷ lệ nợ hợp lý và sử dụng vốn vay đúng mục đích.

- Chỉ đạo ban hành bộ định mức đơn giá nội bộ nhằm phục vụ cho công tác quản lý chi phí và chào thầu.

8. Công tác quan hệ cổ đông:

- Ngay sau khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 được thông qua, ngày 15/9/2017, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 13%/ mệnh giá bằng tiền mặt.

- Công ty luôn tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết như Báo cáo tài chính quý/ năm, Báo cáo thường niên, Báo cáo giao dịch cổ phiếu nội bộ... và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HoSE) cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của cổ đông.

- Ngoài ra, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, với các cơ quan quản lý Nhà nước và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

9. Đánh giá chung:

Mặc dù năm 2017 là năm rất khó khăn do các yếu tố khách quan lẫn chủ quan, tuy nhiên với sự đoàn kết, đồng tâm hiệp lực và sự nỗ lực cố gắng của cả tập thể người lao động, PVC-MS vẫn duy trì được sự phát triển của Công ty, bảo toàn được nguồn vốn và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh những kết quả đạt được còn những tồn tại,

hạn chế cần phải khắc phục, Hội đồng quản trị sẽ rút kinh nghiệm và không ngừng nâng cao năng lực quản lý điều hành cho phù hợp với tình hình mới nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông 2018 giao.

III. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018:

1. Kế hoạch năm 2018:

Năm 2018, hoạt động SXKD của Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn thách thức, trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017, căn cứ vào tình hình chung của ngành Dầu khí, thị trường xây lắp trong nước và tình hình thực tế SXKD của Công ty, sau khi rà soát các công việc có thể triển khai trong năm 2018, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty, cụ thể:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2018 |
|------------|------------------------|---------------|--------------------------|
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 700,00 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 670,00 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 2,00 |
| 5 | Công tác đầu tư | Tỷ đồng | 4,50 |
| 6 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 40,00 |
| 7 | Thu nhập bình quân NLD | Tr.đồng/ng/th | 8,55 |

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:

Năm 2018 để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD theo kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các công việc sau:

- Tiếp tục tập trung thi công đạt an toàn, chất lượng và tiến độ các công trình hiện đang triển khai như dự án NMNĐ Thái Bình 2, Sông Hậu 1 và chuẩn bị các điều kiện thật tốt về nhân lực, vật lực để có thể triển khai thi công các dự án trong năm 2018.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu các công trình dự án trong và ngoài ngành, các dự án nước ngoài để tìm kiếm thêm công việc mới. Xây dựng kế hoạch, chiến lược tiếp thị đấu thầu cụ thể để triển khai trong năm 2018 và các năm tiếp theo.

- Hoàn chỉnh bộ định mức đơn giá nội bộ để phục vụ cho công tác chào thầu và quản lý chi phí.

- Tăng cường công tác làm dịch vụ thương mại và khai thác tối đa dịch vụ tại Bãi cảng chế tạo của Công ty.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các công trình/ dự án đặc biệt tập trung Dự án NMNĐ Thái Bình 2, Dự án DK, Sông Hậu 1.

- Tiếp tục rà soát định biên lại nhân sự năm 2018 trong toàn Công ty. Sắp xếp, bố trí sử dụng lực lượng lao động trong giai đoạn Công ty thiếu việc làm.

- Rà soát, sửa đổi các quy chế/ quy trình quản lý nội bộ, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các bộ phận cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Rà soát xây dựng lại chiến lược phát triển của Công ty cho phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của Công ty mẹ và tình hình thực tế hiện nay của Công ty.

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty theo quy định.

– Chỉ đạo làm việc với các tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán để sớm phát hành trái phiếu doanh nghiệp và tái cấu trúc các khoản nợ đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty.

– Tiếp tục thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi hoạt động SXKD.

– Đẩy mạnh công tác bán và cho thuê mặt bằng/ văn phòng, thu hồi vốn dự án 02 Nguyễn Hữu Cảnh và bán căn hộ số 28 Nguyễn Hữu Cảnh.

– Tăng cường công tác tiếp thị cho thuê thiết bị trong thời gian nhàn rỗi không có việc làm để tăng hiệu quả SXKD.

– Chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các biện pháp, công nghệ mới, đưa các đề tài khoa học vào thực tiễn hoạt động SXKD nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, duy trì và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của Công ty.

Mục tiêu của Công ty là quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với CBCNV, NLD trong toàn Công ty. Với chiến lược phát triển Công ty bền vững và lâu dài dựa trên nền tảng được xây dựng trong gần 35 năm qua cùng với thế mạnh về nguồn lực và thương hiệu của PVC-MS, HĐQT tin tưởng rằng PVC-MS sẽ vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 và làm cơ sở phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, kế hoạch và phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2018, kính trình ĐHĐCĐ nghiên cứu, xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2018

Kính gửi: - Đại hội cổ đông thường niên
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2018 như sau:

PHẦN I KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2017

I. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017

Năm 2017 là một năm rất khó khăn của Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, đặc biệt là 6 tháng cuối năm, Công ty PVC-MS phải đối phó với việc thiếu công ăn việc làm do các dự án bị dừng/giãn tiến độ triển khai và việc tìm kiếm thêm các dự án mới chưa hiệu quả, công tác thu hồi công nợ chậm do còn nhiều vướng mắc từ phía Chủ đầu tư... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty trong việc duy trì công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tập đoàn, lãnh đạo Tổng công ty, Tập thể cán bộ người lao động PVC-MS đã vượt qua mọi khó khăn thách thức để triển khai quyết liệt các giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017. Sau đây, Ban Giám đốc Công ty PVC-MS xin báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 như sau:

1. Kết quả SXKD năm 2017

1.1 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính:

Kết quả giá trị sản lượng 1.014,91 tỷ đồng đạt 72,29% KH năm, đạt 101,49% KH năm điều chỉnh, Tổng doanh thu 859,69 tỷ đồng đạt 70,24% KH năm, đạt 90,88% KH năm điều chỉnh; Lợi nhuận trước thuế 2,04 tỷ đồng đạt 2,55% KH năm, đạt 45,33% KH năm điều chỉnh. Chi tiết kết quả thực hiện như sau:

| Stt | Các chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2017 | KH 2017 điều chỉnh | Thực hiện 2017 | TH/KH (%) | TH/KH điều chỉnh (%) |
|-----|----------------------|---------|---------------|--------------------|----------------|-----------|----------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 600 | 600 | 600 | 100 | 100 |
| 2 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 1.404 | 1.000 | 1.014,91 | 72,29 | 101,49 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1.224 | 946 | 859,69 | 70,24 | 90,88 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 80,00 | 4,50 | 2,04 | 2,55 | 45,33 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 64,00 | 3,60 | 0,94 | 1,47 | 26,11 |
| 6 | Cổ tức | % | 8,00 | - | 0 | - | - |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|----------|--------|-------|--------|-------|-------|
| 7 | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 105,00 | 54,00 | 51,65 | 49,19 | 95,65 |
| 8 | Thực hiện đầu tư | Tỷ đồng | 16,62 | - | 0 | - | |
| 9 | Tỷ suất LNST/VĐL | % | - | - | 0,16 | - | |
| 10 | Hệ số nợ/Tổng tài sản | Lần | - | - | 0,58 | - | |
| 11 | Hệ số nợ/Vốn CSH | Lần | - | - | 1,36 | - | |
| 12 | Vốn Chủ sở hữu | Tỷ đồng | - | - | 744,82 | - | |
| 13 | Thu nhập bình quân | Tr. đồng | 12,30 | - | 9,70 | 78,86 | |

1.2 Công tác triển khai dự án:

Trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành, hạ thủy, bàn giao một số công trình đạt tiến độ và chất lượng gồm có:

- Dự án Topside Thỏ Trắng 3 (tháng 3/2017).
- Dự án DK (P11, P12, P13): là dự án có giá trị lớn, có tiến độ thi công gấp rút, yêu cầu về an toàn, chất lượng rất nghiêm ngặt. Công ty đã huy động nhân lực, vật lực để thực hiện dự án, dự án đã hoàn thành và bàn giao trong tháng 5/2017.
- Dự án Kho xăng Dầu Nghi Sơn (tháng 11/2017).
- Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 là dự án lớn được thực hiện từ năm 2015 đang được Công ty tiếp tục triển khai, bên cạnh hạng mục chính kết cấu thép nhà tuabin, nhà điều khiển trung tâm Công ty đang triển khai thêm các hạng mục Xưởng sửa chữa cơ khí và nhà kho, hệ thống Pipe rack.

Bên cạnh đó Công ty đang thi công các dự án nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 và một số dự án nhỏ khác.

Công ty đã khai thác các dịch vụ tại Bãi cảng Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí như: dịch vụ cầu cảng, bốc dỡ hàng hóa, cho thuê kho bãi, dịch vụ hậu cần, thương mại... với doanh thu là 62,14 tỷ đồng.

1.3 Công tác đầu tư:

Đầu năm 2017, Công ty PVC-MS đã trình Công ty mẹ và Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị với Tổng giá trị là 16,62 tỷ đồng. Tuy nhiên trong năm 2017, PVC-MS đã tạm dừng công tác đầu tư do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, việc tiếp tục triển khai công tác đầu tư sẽ làm cho dự án không khả thi.

Năm 2018, để phù hợp với tình hình SXKD và tài chính của Công ty, PVC-MS chỉ đầu tư nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục công trình cần thiết tại Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí với Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản là 4,5 tỷ đồng. Và để giảm thiểu gánh nặng về nguồn vốn đầu tư, PVC-MS quyết định sẽ không đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công mà tận dụng các thiết bị hiện có hoặc đi thuê.

1.4 Công tác đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp:

Do có sự thay đổi về cơ cấu việc làm và thời gian thiếu việc kéo dài nên việc đổi mới cơ cấu tổ chức, tái cấu trúc doanh nghiệp cho phù hợp với tình hình SXKD của Công ty là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Với mục tiêu hướng tới cơ cấu gọn nhẹ, giảm bớt các đầu mối quản lý trong giai đoạn hiện nay nhằm tiết giảm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD, việc sáp nhập các Phòng chức năng, các Đội sản xuất của Công ty trong thời điểm này là thật sự cần thiết. Do đó để phù hợp với tình hình SXKD thực tế, từ Quý

IV/2017, Công ty đã sắp xếp, kiện toàn lại các Phòng chức năng và đơn vị sản xuất, rà soát định biên bộ máy, sắp xếp lại lực lượng lao động, cụ thể như sau:

- Về định biên nhân sự:

- Tại thời điểm 01/01/2017 tổng số CBCNV Công ty là 1.598 người, đến thời điểm 31/12/2017 còn 1.410 người, như vậy Công ty đã giảm số lao động dôi dư 188 người tương đương 11,76%. Dự kiến sau các biện pháp định biên nhân sự, đến 30/6/2018 tổng số CBCNV là 1.300 người.

- Đối với các Phòng chức năng:

- Sáp nhập Phòng Tổ chức nhân sự với Văn phòng Công ty thành Phòng Tổ chức-Hành chính.

- Sáp nhập Phòng Quản lý Chất lượng với Phòng An toàn - Sức khỏe - Môi trường thành Phòng Quản lý Chất lượng và An toàn.

- Sáp nhập Phòng Kinh tế - Đấu thầu với Phòng Kế hoạch - Đầu tư thành Phòng Kinh tế - Kế hoạch.

- Chuyển chức năng, nhiệm vụ của bộ phận tiếp thị, đấu thầu và kỹ thuật sang Phòng Thiết kế và đổi tên thành Phòng Thiết kế và Đấu thầu.

- Chuyển phòng Quản lý Thiết bị Công ty xuống thành một bộ phận trực thuộc Xí nghiệp Dịch vụ Cảng.

Như vậy từ 10 Phòng chức năng sau khi sắp xếp lại thành 06 Phòng chức năng gồm:

- Phòng Tài chính - Kế toán; - Phòng Thiết kế và Đấu thầu;
- Phòng Tổ chức - Hành chính; - Phòng Quản lý Chất lượng và An toàn;
- Phòng Kinh tế - Kế hoạch; - Phòng Thương mại;

- Đối với các đơn vị sản xuất trực thuộc:

- Chuyển đổi mô hình hoạt động của các Chi nhánh – XN thành các Đội Xây lắp;

- Đổi tên Đội Chống ăn mòn thành Đội dịch vụ;

- Giải thể Đội Điện - Tự động hoá chuyển nhân sự phân chuyên ngành kỹ thuật điện sang Đội Dịch vụ và chuyển phần nhân sự còn lại sang Đội Xây lắp 1.;

- Giữ nguyên mô hình hoạt động của Xí nghiệp Dịch vụ Cảng, bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ về quản lý thiết bị, máy móc thi công.

Các Đơn vị sản xuất trực thuộc sau sắp xếp gồm:

Như vậy, từ 07 đơn vị sản xuất (gồm 04 Chi nhánh: Xí nghiệp Xây lắp 1/ Xí nghiệp Xây lắp 2/ Xí nghiệp Xây lắp 3/ Xí nghiệp Dịch vụ Cảng và 03 Đội sản xuất: Đội Điện - Tự động hóa/ Đội Chống ăn mòn/ Đội Xây lắp 5), sau khi sắp xếp lại và chuyển đổi mô hình hoạt động thành 06 đơn vị sản xuất trực thuộc sau:

- Xí nghiệp Dịch vụ Cảng; - Đội Xây lắp 3;
- Đội Xây lắp 1; - Đội Xây lắp 5;
- Đội Xây lắp 2; - Đội Dịch vụ.

Sau khi sắp xếp các Phòng chức năng/ Đơn vị trực thuộc, Công ty đã và đang tiến hành công tác định biên lao động, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đồng thời

rà soát, sửa đổi lại các Quy chế/ Quy trình quản lý nội bộ cho phù hợp và thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

1.5 Công tác đoàn thể quần chúng, An sinh xã hội:

- Công tác đoàn thể, quần chúng:

Trong năm, tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty phối hợp với chính quyền tổ chức các hoạt động như:

- Tạo điều kiện cho CBCNV trong Công ty tham ra giải bóng chuyền nữ mở rộng năm 2017, tổ chức cuộc hành trình về nguồn với chủ đề “*giỏi việc nước, đảm việc nhà*” vào tháng 3/2017 và tổ chức giải việt dã truyền thống PVC-MS lần thứ 7/2017.

- Tổ chức tổng kết đợt thi đua thực hiện dự án DK (P11, P12, P13) do Công đoàn Công ty phát động nhằm động viên CBCNV Công ty và các nhà thầu phần đầu hoàn thành dự án đạt tiến độ, chất lượng, hiệu quả, an toàn.

- Tổ chức Đại hội đại biểu Đoàn thanh niên nhiệm kỳ 2017-2019; Đại hội Công đoàn bộ phận và Đại hội đại biểu Công đoàn cơ sở PVC-MS khóa III nhiệm kỳ 2018-2023. Tổ chức Đại hội Cựu chiến binh nhiệm kỳ 2017-2019. Tổ chức nhiều hoạt động nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7.

- Tổ chức buổi học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII). Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các cấp.

- Tổ chức các hoạt động nhân ngày tết trung thu cho con em CBCNV trong Công ty, tổ chức ngày hội “*Sẻ giọt máu đào - Trao niềm hy vọng*” lần thứ 6 năm 2017.

- Công tác an sinh xã hội:

Công ty tích cực vận động CBCNV thực hiện công tác an sinh xã hội thông qua các đợt phát động của Tập đoàn và Tổng công ty: ủng hộ ngày lương của CBCNV để hỗ trợ vào các nguồn quỹ hỗ trợ Dầu khí, quỹ hỗ trợ thiên tai lũ lụt năm 2017, quỹ nghĩa tình đồng đội.

Bên cạnh đó hoạt động của các tổ chức đoàn thể được lãnh đạo Công ty PVC-MS hết sức quan tâm như chăm lo đến đời sống cho CBCNV trong Công ty và ngoài xã hội bằng các hoạt động như: chăm lo đến đời sống cho CBCNV, cán bộ hưu trí, thăm trẻ em nghèo, các cụ già neo đơn, các hộ gia đình khó khăn trong Tỉnh thông qua chương trình “*Cùng xây mái ấm*” của BRVT... Công ty ủng hộ chương trình an sinh xã hội năm 2017 với số tiền 885,00 triệu đồng.

1.6 Đánh giá chung:

- Công ty đã và đang tiến hành công tác định biên lao động, đã điều chỉnh xong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng ban; hiện tại đang rà soát, sửa đổi lại các Quy chế/ Quy trình quản lý nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Lực lượng lao động được Công ty sàng lọc để phát triển nâng cao về chất lượng qua việc đào tạo thường xuyên về nghiệp vụ, tay nghề, ngoại ngữ.

- Công ty đã và đang thực hiện công tác tư tưởng đối với CBCNV, người lao động để cùng nhau chia sẻ khó khăn trong giai đoạn Công ty thiếu việc làm, chung sức chung lòng phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Trong điều kiện khó khăn chung của ngành Dầu khí, Công ty đã cố gắng vượt qua và duy trì sản xuất kinh doanh với sản lượng đạt 1.014,91 tỷ đồng, tổng doanh thu 859,69 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2,04 tỷ đồng và đóng góp cho ngân sách Nhà nước 51,65 tỷ đồng.

- Tuy nhiên Công ty không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017. Đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận giảm mạnh, với lợi nhuận sau thuế 0,94 tỷ đồng thì việc thực hiện cổ tức 8% năm theo kế hoạch là không thể thực hiện được đã ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông. Lợi nhuận thấp là do một số nguyên nhân sau:

+ Trong Quý 3 và Quý 4 Công ty chỉ duy trì được việc làm ở một vài hạng mục nhỏ của công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 với doanh thu đạt được là 95,88 tỷ đồng (trong khi của Quý 1 và Quý 2 là 763,81 tỷ đồng); công tác tiếp thị đấu thầu để tìm kiếm hợp đồng mới gói đầu chưa đạt kết quả để duy trì SXKD và để tạo thêm doanh thu do đó doanh thu của Quý 3 và Quý 4 là không đủ để bù đắp chi phí như chi phí lãi vay, chi phí quản lý, chi phí chung... ngoài ra Công ty cũng phải điều chỉnh giảm lợi nhuận sau quyết toán do khối lượng quyết toán giảm.

+ Việc các Chủ đầu tư tiết giảm mạnh chi phí đầu tư dẫn đến đơn giá chế tạo giảm mạnh so với các công trình tương tự những năm trước đây như Dự án Thổ Tráng 3 áp dụng đơn giá đấu thầu cạnh tranh. Ngoài ra một số công trình có tính chất đặc thù và phải thi công xa như Nhiệt điện Thái Bình 2, KXD Nghi Sơn dẫn đến chi phí cho dự án lớn ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty.

+ Công tác tiếp thị đấu thầu của Công ty chưa đạt kết quả mong muốn, đấu thầu nhiều nhưng tỉ lệ thắng thầu thấp, nhất là mảng tiếp thị đấu thầu quốc tế. Công tác quản lý chi phí tại một số dự án còn chưa đạt hiệu quả ảnh hưởng đến kết quả SXKD.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SXKD VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018

Khả năng năm 2018 Công ty còn rất nhiều khó khăn. Đặc biệt là 3 tháng đầu năm, Công ty chỉ thực hiện phần việc còn lại của dự án chuyển tiếp từ năm trước (dự án Sông Hậu 1) và các hạng mục giao thêm của Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2. Đến ngày 23/03/2018 đã khởi công chế tạo Khối thượng tầng dự án Cá Tầm và kế hoạch Quý II sẽ khởi công dự án Chân đế Sao Vàng Đại Nguyệt. Với nguồn việc làm như trên chỉ đáp ứng một phần nhỏ khối lượng công việc cho người lao động do vậy Công ty vẫn trong tình trạng thiếu việc làm. Ngoài ra Công ty đang nỗ lực thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu để có thể có thêm dự án triển khai trong 6 tháng cuối năm như: Hoá dầu Long Sơn (gói A2), Sư Tử Trắng giai đoạn 2, Nhiệt điện Nghi Sơn 2, Phong điện Đài Loan... và một số các dự án nhỏ khác.

Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 là dự án lớn được thực hiện từ năm 2015 đang được Công ty tiếp tục triển khai, bên cạnh hạng mục chính kết cấu thép nhà tuabin, nhà điều khiển trung tâm Công ty đang triển khai thêm các hạng mục Xưởng sửa chữa cơ khí và nhà kho, hệ thống Pipe rack.

Bên cạnh đó Công ty đang thi công các dự án nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2018:

Sau khi rà soát các dự án chuyển tiếp từ năm 2017 và các dự án có thể triển khai mới trong năm 2018, Công ty xây dựng các chỉ tiêu SXKD năm 2018 như sau:

- Sản lượng : 700,00 tỷ đồng;
- Doanh thu : 670,00 tỷ đồng;
- Lợi nhuận TT : 2,00 tỷ đồng;
- Nộp NSNN : 40,00 tỷ đồng;
- Đầu tư : 4,50 tỷ đồng;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức : 0 %;
- Lao động bình quân : 1.248 người;
- Thu nhập bình quân : 8,55 trđ/ng/th;

2. Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2018:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018, Công ty PVC-MS tập trung vào các công việc sau:

- Phân đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018.
- Tiếp tục tập trung thế mạnh vào phần xây lắp cốt lõi của phần cơ khí, điện và điện điều khiển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng, các công trình dầu khí trên bờ.
- Tiếp tục khẳng định năng lực thực hiện tổng thầu EPC/EPCI các dự án chuyên ngành dầu khí trên bờ theo nguyên tắc PVC-MS sẽ kết hợp với các đơn vị thành viên trong Tổng công ty, các đối tác trong và ngoài nước và tăng dần tỷ trọng thực hiện của PVC-MS theo thời gian, xây dựng mô hình chuẩn để thực hiện dự án nhỏ, trung bình và lớn theo hình thức tổng thầu EPC.
- Tiếp tục thi công đạt tiến độ chất lượng và bàn giao Chủ đầu tư các công trình nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1...
- Tập trung hết sức trong công tác tiếp thị, đấu thầu, đẩy mạnh tiếp thị ở các nước trong khu vực, tăng cường năng lực cạnh tranh để tham gia vào các dự án năng lượng ngoài ngành dầu khí tạo công ăn việc làm cho người lao động năm 2018 và các năm tiếp theo khi thị trường được khôi phục và những dự án lớn được Tập đoàn Dầu khí triển khai.
- Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực như nhân lực, cơ sở hạ tầng, thiết bị thi công... để có thể triển khai thi công ngay khi các dự án được triển khai như Sao Vàng Đại Nguyệt, Cá Tầm và các dự án đang tiếp thị đấu thầu Hoá dầu Long Sơn (gói A2), Sư Tử Trắng giai đoạn 2, Nhiệt điện Nghi Sơn 2, Phong điện Đài Loan...
- Tập trung trong công tác thu hồi công nợ đối với công nợ phải thu và nghiệm thu đối với giá trị dở dang. Đặc biệt là công nợ phải thu rất lớn tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án DKI (Bộ Quốc phòng)...
- Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, nhất là công tác quản lý hợp đồng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt việc quản lý chất lượng theo hệ thống ISO 9001:2015, quản lý an toàn theo hệ thống An toàn và sức khoẻ nghề nghiệp OHSAS 18001:2007. Thực hiện tốt hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.

3. Một số giải pháp để thực hiện:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2018. Công ty đề xuất một số giải pháp chính như sau:

3.1 Giải pháp tổ chức và đổi mới doanh nghiệp:

- Tiếp tục công tác định biên lao động; rà soát, sửa đổi lại các Quy chế/ Quy trình quản lý nội bộ cho phù hợp với tình hình của công ty sau khi đã rà soát và sắp xếp lại các phòng ban, đơn vị.
- Lập phương án bố trí, sử dụng lao động giai đoạn Công ty còn thiếu việc làm trong 6 tháng đầu năm 2018.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, lấy trọng tâm vào nhiệm vụ quản trị các dự án.
- Tiếp tục thực hiện triệt để tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá nội bộ là cơ sở cho công tác đấu thầu và quản lý chi phí.
- Duy trì và thực hiện tốt việc quản lý chất lượng theo hệ thống ISO 9001:2015, quản lý an toàn theo hệ thống An toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007. Thực hiện tốt hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.

3.2 Giải pháp về tiếp thị, đấu thầu:

- Tiếp tục xây dựng các nguồn lực đủ năng lực thực hiện tổng thầu EPC các dự án chuyên ngành Dầu khí trên cơ sở hợp tác với các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty, các đối tác trong và ngoài nước.
- Tiếp tục tham gia cùng Công ty mẹ PVC tiếp thị, đấu thầu các công trình trong và ngoài ngành Dầu khí và thực hiện các phần việc thuộc năng lực và sở trường của Công ty trong các dự án Công ty mẹ trúng thầu.
- Duy trì và củng cố các thị trường truyền thống, giữ vững và phát triển thị phần trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành. Tăng cường quan hệ đối tác và xây dựng niềm tin với các khách hàng truyền thống như VSP, PVOil, PVGas, Bộ Quốc Phòng, các JOC...
- Hợp tác chặt chẽ với đối tác chiến lược Mepcom để tiếp thị các thị trường khu vực và quốc tế.
- Củng cố lực lượng làm công tác tiếp thị đấu thầu ở thị trường trong nước, xây dựng chiến lược tiếp thị đấu thầu để đạt được hiệu quả cao trong lĩnh vực chế tạo, lắp đặt các công trình Dầu khí trong khu vực và quốc tế.

3.3 Giải pháp về triển khai thực hiện công tác thi công:

- Tập trung thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2017 đạt chất lượng và nghiệm thu bàn giao cho Chủ đầu tư các dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1...
- Chuẩn bị các điều kiện để có thể thi công ngay khi có dự án mới như nguồn lực nhân lực, cơ sở hạ tầng, thiết bị thi công...

3.4 Giải pháp về tài chính:

Để giải quyết tình trạng khó khăn trước mắt và cân đối dòng tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã làm việc với các tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán để thực hiện các thủ tục phát hành trái phiếu doanh nghiệp và để tái cấu trúc lại khoản nợ. Hiện tại, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đang là đối tác thực hiện các công tác liên quan đến việc mua trái phiếu của Công ty.

3.5 Giải pháp về thực hiện đầu tư:

Khai thác tiềm năng của Bãi cảng chế tạo Kết cấu kim loại và Thiết bị Dầu khí để thực hiện các dự án chế tạo giàn khoan Dầu khí cho Tập đoàn và các nhà thầu khai thác Dầu khí nước ngoài đầu tư ở Việt Nam cũng như thực hiện các dịch vụ cầu cảng, bốc dỡ hàng hóa, cho thuê kho bãi, dịch vụ hậu cần, thương mại ...

3.6 Chế độ chính sách và an sinh xã hội:

- Thực hiện công tác tư tưởng đối với CBCNV trong Công ty để cùng nhau chia sẻ những khó khăn trong giai đoạn Công ty thiếu việc làm, chung sức chung lòng phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra.
- Tiếp tục chăm lo, cải thiện điều kiện sống, môi trường làm việc của toàn thể CBCNV đặc biệt đối với những cán bộ công nhân làm việc trên các công trường.
- Tiếp tục thực hiện công tác an sinh xã hội đối với cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty và các cá nhân, tổ chức khác bên ngoài.

3.7 Công tác đoàn thể:

- Hằng năm tổ chức công đoàn triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế đối thoại. Phối hợp rà soát, nắm bắt và kiểm tra giám sát tình hình lao động việc làm, tình hình chi trả lương, BHXH, BHYT của người lao động trong toàn Công ty. Chủ động theo dõi và hỗ trợ người lao động trong việc giải quyết việc làm, các chế độ chính sách cho người lao động.
- Tạo điều kiện cho các đoàn thể xây dựng phong trào thi đua lao động sáng tạo, tổ chức các hoạt động đoàn thể nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước để tạo sân chơi lành mạnh và cổ vũ tinh thần lao động cho toàn thể CBCNV Công ty.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2018 của Công ty PVC-MS.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu VT, KT-KH.

Phạm Tất Thành

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

Kính gửi: - Đại Hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/04/2017;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí ngày 02/04/2010;

Ban kiểm soát PVC-MS báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động năm 2017 của PVC-MS và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

**PHẦN I
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017**

1. Về tổ chức:

Ban kiểm soát có 03 thành viên (02 chuyên trách và 01 kiêm nhiệm):

- Ông Nguyễn Văn Thân - Trưởng BKS (chuyên trách);
- Ông Hoàng Văn Hải - Thành viên (chuyên trách);
- Bà Vũ Thị Thu Hải - Thành viên (kiêm nhiệm).

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ngoài các hoạt động thường xuyên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của PVC-MS, Ban kiểm soát đã thực hiện những việc sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành, thực hiện các Quy định, Quy chế do Công ty đã ban hành.
- Phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc trong việc xây dựng, chỉnh sửa các Quy chế/Quy định của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Gồm 03 Quy chế 02 Quy định: 1) Quy chế quản lý máy và thiết bị, 2) Quy chế quản lý vật tư, CCDC; 3) Quy định điều chỉnh giảm đơn giá tiền lương

hiệu quả và điều chỉnh thời gian làm việc; 4) Quy chế tuyển dụng và đào tạo; 5) Quy định điều chỉnh phụ lục 01&02 Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty.

- Phối hợp các Phòng/ban Công ty kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

- Phối hợp với các Phòng/ban công ty tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2017.

- Thực hiện 02 đợt kiểm tra các đơn vị trực thuộc PVC-MS (đợt 01 tháng 04/2017, đợt 02 tháng 11/2017), Kết quả kiểm tra như sau:

- 1) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại XN xây lắp 1 ngày 11/04/2017;

- 2) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại XN xây lắp 1 ngày 28/11/2017;

- 3) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại XN xây lắp 2 ngày 13/04/2017;

- 4) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại XN xây lắp 2 ngày 14/11/2017;

- 5) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại XN xây lắp 3 ngày 18/04/2017;

- 6) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại XN xây lắp 3 ngày 16/11/2017;

- 7) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại XN Cảng ngày 20/04/2017;

- 8) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại XN Cảng ngày 23/11/2017;

- 9) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại Đội chống ăn mòn ngày 14/04/2017;

- 10) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại Đội chống ăn mòn ngày 17/11/2017;

- 11) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại Đội Điện ngày 21/04/2017;

- 12) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại Đội Điện ngày 20/11/2017;

- 13) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại Đội xây lắp 5 ngày 25/04/2017;

- 14) Biên bản làm việc của ban kiểm soát tại Đội xây lắp 5 ngày 21/11/2017;

- 15) Báo cáo kiểm tra các đơn vị PVC-MS ngày 11/05/2017;

- 16) Báo cáo kiểm tra các đơn vị PVC-MS ngày 08/12/2017;

- Giám sát lập các Báo cáo kiểm kê, Báo cáo tài chính năm 2016, Báo cáo tài chính Quý I, II, III và IV/2017.

- Phối hợp với kiểm toán độc lập để thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty.

- Kết hợp với HĐQT làm việc với các Phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc, Ban ĐHDA Công ty.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban Công ty.

- Thường xuyên phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Họp BKS mỗi quý 01 lần, tổng các cuộc họp trong năm 2017 là 4 lần.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

3. Các quyết định/ Văn bản của Ban kiểm soát trong năm 2017:

| Stt | Số quyết định/ Văn bản | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------|------------|--|
| 1 | 01/KCKL-BKS | 20.01.2017 | Báo cáo thực hiện SXKD tháng 12/2016 và kế hoạch tháng 01/2017 |
| 2 | 02/KCKL-BKS | 06.03.2017 | Báo cáo thực hiện SXKD tháng 02/2017 và kế hoạch tháng 03/2017 |
| 3 | 03/BC-KCKL-BKS | 17.03.2017 | Báo cáo của Ban kiểm soát PVC-MS tại Đại hội cổ đông 2017 |
| 4 | 04/TB-KCKL-BKS | 23.03.2017 | Thông báo Kế hoạch kiểm tra đợt 1/2017 |
| 5 | 05/KCKL-BKS | 28.03.2017 | Báo cáo kết quả SXKD và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 |
| 6 | 06/KCKL-BKS | 20.04.2017 | Báo cáo thực hiện SXKD và hoạt động của Ban kiểm soát quý 1/2017 |
| 7 | 07/KCKL-BKS | 11.05.2017 | Báo cáo kết quả kiểm tra đợt 1 các đơn vị PVC-MS |
| 8 | 08/KCKL-BKS | 13.06.2017 | Báo cáo thực hiện SXKD tháng 5 /2017 và kế hoạch tháng 6/2017 |
| 9 | 09/KCKL-BKS | 17.08.2017 | Báo cáo thực hiện SXKD tháng 08 năm 2017 và kế hoạch tháng 09/2017 |
| 10 | 10/KCKL-BKS | 19.09.2017 | Báo cáo thực hiện SXKD tháng 9 năm 2017 và kế hoạch tháng 10/2017 |
| 11 | 11/TB-KCKL-BKS | 01.11.2017 | Thông báo kế hoạch kiểm tra đợt 2/2017 |
| 12 | 12/KCKL-BKS | 10.11.2017 | Báo cáo kết quả SXKD và hoạt động của ban kiểm soát 9 tháng đầu năm 2017 |
| 13 | 13/KCKL-BKS | 08.12.2017 | Báo cáo kết quả kiểm tra đợt 2 các đơn vị PVC-MS |

4. Tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên BKS trong năm 2017: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

PHẦN II KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2017

I. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

- Năm 2017, PVC-MS đã tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thi công các dự án, hạng mục công trình. Tuy nhiên, mức độ đạt được các chỉ tiêu như sản lượng, doanh thu, và lợi nhuận còn thấp chưa hoàn thành kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra. Trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành 9 tháng đầu năm 2017 của PVC-MS, tháng 10/2017 Tổng công ty PVC đã ban hành quyết định điều chỉnh kế hoạch 2017 sản lượng 1.000 tỷ đồng, doanh thu 946 tỷ đồng, lợi nhuận 4,5 tỷ đồng, do đó chỉ tiêu sản lượng vượt kế hoạch điều chỉnh, nhưng chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận không đạt.

Một số chỉ tiêu cụ thể như sau (số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán):

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2017 (theo NQ ĐHCĐ) | Kế hoạch 2017 (theo NQ điều chỉnh của PVC) | Thực hiện năm 2017 | Tỷ lệ TH so với KH ĐHCĐ | Tỷ lệ TH so với KH điều chỉnh |
|-----|----------------------|-------------|------------------------------|--|--------------------|-------------------------|-------------------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 600,00 | | 600,00 | | 100,00% |
| 2 | Sản lượng | Tỷ đồng | 1.404,00 | 1.000,00 | 1.014,91 | 72,29% | 101,49% |
| 3 | Doanh thu | Tỷ đồng | 1.224,00 | 946,00 | 859,69 | 70,24% | 90,88% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 80,00 | 4,50 | 2,04 | 2,55% | 45,33% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 64,00 | 3,60 | 0,94 | 1,47% | 26,11% |
| 6 | Cổ tức | % | 8,00 | - | 0 | - | - |
| 7 | Nộp ngân sách NN | Tỷ đồng | 105,00 | 54,00 | 41,23 | 39,30 | 76,4% |
| 8 | Thực hiện đầu tư | Tỷ đồng | 16,62 | - | 0 | - | - |
| 9 | Thu nhập bình quân | Tr.đồng | 12,30 | - | 9,7 | 78,86% | - |

- Sản lượng năm 2017 đạt 1.014,91 tỷ đồng, đạt 72,29% so với kế hoạch ĐHCĐ và 101,49% so với KH điều chỉnh PVC.

- Doanh thu đạt 859,69 tỷ đồng, đạt 70,24% so với kế hoạch ĐHCĐ thông qua và bằng 90,88% so với kế hoạch điều chỉnh của PVC. Giá trị doanh thu ghi nhận chủ yếu từ hoạt động xây lắp 797,58 tỷ đồng, dịch vụ 38,28 tỷ đồng và doanh thu hoạt động khác 23,83 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện thi công xây lắp:

2.1. Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2:

- Hợp đồng số 16/2014/HĐKT/PVC-PVC-MS ngày 04/4/2014: Mua sắm, chế tạo và lắp dựng kết cấu thép nhà Tuabin, nhà điều khiển trung tâm. Giá trị hợp đồng 925,7 tỷ đồng, giá trị dự kiến thực hiện 730,5 tỷ do điều chỉnh giá và giảm khối lượng, giá trị sản lượng đến 31/12/2017 đạt 729 tỷ. Tạm ứng và thanh toán 540 tỷ, công nợ phải thu 127 tỷ, giá trị khối lượng dở dang 79 tỷ.

- Phụ lục BS số 09 của HĐ số 16/2014/HĐKT/PVC-PVC-MS ngày 06/12/2017: Thi công xây dựng, gia công lắp đặt KCT, mua sắm, lắp đặt thiết bị của hạng mục Xưởng sửa chữa cơ khí và nhà kho; lắp đặt hệ thống trên Pipe Rack. Giá trị hợp đồng 107,04 tỷ. Giá trị thực hiện đến 31/12/2017 là 18 tỷ đồng. Tạm ứng hợp đồng 10,7 tỷ.

- Hợp đồng số 150404/LILAMA-PVC.MS ngày 15/4/2014: Lắp đặt thiết bị cơ điện được ký giữa LILAMA và PVC-MS. Giá trị hợp đồng là 150 tỷ, giá trị thực tế thực hiện khoảng 115 tỷ do điều chỉnh giảm giá và giảm khối lượng. Tiến độ thi công đến 31/12/2017 đạt 112,6 tỷ. Tạm ứng 44 tỷ, công nợ phải thu 26 tỷ, giá trị khối lượng dở dang 56 tỷ.

2.2. Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1:

- Hợp đồng số XD03/2016/SH1-PVC-PVC.MS tháng 5/2016: Thi công kết cấu thép Nhà turbine tổ máy số 2 và kết cấu thép hệ thống khử lưu huỳnh. Hợp đồng được ký giữa Tổng công ty PVC và PVC-MS. Giá trị hợp đồng 340,76 tỷ. Giá trị thực tế dự kiến 228,35 tỷ (Nhà turbine 95,5 tỷ, hệ thống khử lưu huỳnh 132,8 tỷ). Giá trị sản lượng thi công đến 31/12/2017 đạt 80,2 tỷ. Tạm ứng 46,5 tỷ. Công nợ phải thu 8,5 tỷ, giá trị khối lượng dở dang 71,8 tỷ.

2.3. Dự án Hóa dầu Long Sơn:

- Hợp đồng CNT-A2-NSC-001 ngày 28/12/2017 giữa Liên danh Technip & SK, và Liên danh PEC và PVC-MS bao gồm Posco Engineering & Construction Co., Ltd, Công ty cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.

- + Dự án: Hợp đồng EPC cho kho chứa và các đường ống dẫn liên kết.
- + Giá trị hợp đồng 500 triệu USD, trong đó phần PVC-MS thực hiện 110 triệu USD.
- + Thời gian thực hiện hợp đồng 04 năm kể từ ngày khởi công.
- + Hiện nay PVC-MS đang chuẩn bị, nhân lực, máy móc thiết bị để chuẩn bị thi công.

3. Tình hình thực hiện công tác đầu tư:

- Năm 2017, Công ty đã trình Tổng công ty PVC và ĐHCĐ kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị là 16,62 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong năm Công ty đã tạm dừng công tác đầu tư do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, việc tiếp tục triển khai công tác đầu tư sẽ làm cho dự án không khả thi.

- Đối với các khoản đầu tư tài chính: tại thời điểm 3/12/2017 số dư góp vốn vào các công ty như sau: (1) Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí 50 triệu đồng và (2) Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh: 5 tỷ đồng đã trích dự phòng 4,15 tỷ đồng. Trong đó Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh hoạt động không hiệu quả, lỗ lũy kế nhiều năm, không chia cổ tức do đó khả năng bảo toàn vốn thấp.

4. Công tác tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương, chế độ chính sách:

- Trong năm 2017, Công ty tiếp tục rà soát nhân lực, định biên lại đến tận các Phòng, ban đơn vị. Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2017 là 1.410 người so với thời điểm 31/12/2016 là 1.598 người, trong năm 2017 giảm 188 người.

- Thực hiện tái cấu trúc Công ty: Trong năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo sắp xếp kiện toàn các phòng chức năng và đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu quả công việc. Theo đó, đã sáp nhập từ 10 phòng xuống còn 6 phòng. Chuyển đổi mô hình Chi nhánh Xí nghiệp thành Đội sản xuất, từ 04 Xí nghiệp và 03 Đội sản xuất xuống còn 01 Xí nghiệp và 05 Đội sản xuất.

- Thu nhập bình quân của người lao động đạt 9,7 triệu đồng/người/tháng bằng 78,86% kế hoạch.

5. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định quản lý nội bộ Công ty:

Tính đến thời điểm kiểm tra, Công ty đang sử dụng quy chế, quy định, quy trình về quản lý nội bộ như sau: Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý hợp đồng kinh tế, Quy chế chế tuyển dụng và đào tạo, Quy chế quản lý máy và thiết bị, Quy chế quản lý vật tư, công cụ dụng cụ, Quy chế chi tiêu nội bộ của công ty, Quy chế trả lương trả thưởng, Quy định về soạn thảo văn bản,... Nhìn chung hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của công ty ban hành đầy đủ, hoạt động của Công ty đã tuân thủ các quy định, quy chế đã ban hành.

6. Công tác tài chính kế toán năm 2017:

6.1. Công tác ghi chép và lập báo cáo:

- Công ty đã áp dụng đúng chế độ kế toán, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và Công ty trong công tác hạch toán kế toán.

- Công ty đã áp dụng đúng chế độ kế toán, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và Công ty trong công tác hạch toán kế toán.
- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép, phản ánh đầy đủ trên sổ kế toán.
- Lập báo cáo chi tiết, báo cáo tài chính đầy đủ theo quy định của Bộ tài chính.
- Hồ sơ, chứng từ thanh toán được tập hợp và lưu trữ đầy đủ.

6.2. Công tác quyết toán và theo dõi công nợ phải thu phải trả:

Công tác quyết toán và thu hồi công nợ tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhiệt điện Sông Hậu 1 tiếp tục chậm từ khâu ký nghiệm thu khối lượng cho đến thanh toán. Tại thời điểm 31/12/2017 chi phí dở dang TB2 là 140,12 tỷ đồng (PVC: 87,66 tỷ + Lilama: 52,46 tỷ) và Sông Hậu 1: 68,83 tỷ.

6.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật:

Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT, TNCN hàng tháng đầy đủ, Trong năm 2017 Công ty đã nộp tổng các loại thuế 41,23 tỷ đồng, không có tình trạng nợ đọng thuế.

6.4. Tình hình sử dụng vốn điều lệ:

Tại thời điểm 31/12/2017 vốn điều lệ 600 tỷ. Công ty sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Đã bảo toàn và phát triển lên số vốn tự có 744,81 tỷ đồng.

6.5. Quản lý chi phí sản xuất kinh doanh và xác định giá vốn hàng bán:

DVT: tỷ đồng.

| Loại chi phí | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV | Tổng cộng |
|--------------------|--------|--------|---------|--------|-----------|
| Giá vốn hàng bán | 297,56 | 372,14 | 1,99 | 84,46 | 756,190 |
| Chi phí tài chính | 7,11 | 9,29 | 8,40 | 8,74 | 33,55 |
| Chi phí quản lý DN | 16,08 | 19,21 | 11,33 | 19,99 | 66,578 |
| Chi phí khác | 0,15 | 1,10 | 0,03 | 0,09 | 1,37 |

- Đối với giá vốn hàng bán: phần xây lắp giá vốn chiếm khoảng 90% doanh thu, phần dịch vụ 86% doanh thu.
- Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay 32,78 tỷ đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá 135 triệu đồng và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư 635 triệu đồng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với năm trước chủ yếu do chi phí tiền lương giảm và chi phí khác giảm mạnh do công ty tăng cường tiết giảm chi phí.

7. Nhận xét, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong điều kiện khó khăn chung của ngành dầu khí, Công ty đã gắng duy trì SXKD đạt sản lượng 1.014,91 tỷ đồng, doanh thu 859,69 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2,04 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 41,23 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu đạt tỷ lệ tương đối cao so với kế hoạch điều chỉnh, nhưng đạt thấp so với kế hoạch ĐHCĐ thông qua. Đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận giảm mạnh, lợi nhuận sau thuế chỉ có 0,94 tỷ đồng thì việc chia cổ tức 8% cho cổ đông là không thể thực hiện được, không hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHCĐ 2017.

- Kết quả SXKD năm 2017 giảm sút do một số nguyên nhân chính sau:

+ Do công tác xây dựng kế hoạch chưa sát thực tế, chưa lường hết các khó khăn khách quan. Thực tế 6 tháng cuối năm 2017, Công ty về cơ bản đã hết việc làm, khi đồng loạt

các hợp đồng lớn kết thúc như dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Giàn DK P11-P13 của Bộ Quốc phòng... và chỉ còn một vài hạng mục nhỏ Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, trong khi đó Kho xăng dầu Nghi Sơn GD 2 của PVOIL dừng thi công, Nhà máy hoá dầu Long Sơn lùi sang 2018 mới thực hiện nên dẫn đến sản lượng, doanh thu giảm.

+ Công tác thi công xây lắp dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang bị chậm tiến độ, công tác nghiệm thu thanh quyết toán ở dự án này còn yếu.

+ Công nợ phải thu của các dự án rất lớn, như Dự án DKI Bộ quốc phòng 444 tỷ, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2: 99 tỷ..., vì công nợ quá lớn nên Công ty phải vay ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh, làm cho chi phí lãi vay trả trong năm 2017 là 32,78 tỷ.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2017 là 69,27 tỷ. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, nên có sản xuất hay không vẫn phải tính khấu hao.

+ Bộ máy quản lý công kênh, nhiều phòng ban, nhiều xí nghiệp, nên lực lượng lao động gián tiếp đông, chi phí quản lý trong năm 2017 là 66,57 tỷ.

+ Công tác quản lý chi phí, quản lý hợp đồng còn yếu kém ở một số dự án.

- Từ các nguyên nhân trên đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017 rất thấp, lãi rất ít, có nguy cơ dẫn tới lỗ.

- Một số giải pháp HĐQT và BGD đã thực hiện: ngay từ Quý 2/2017 Ban lãnh đạo công ty PVC-MS đã nhận diện được những khó khăn, nên đã có những giải pháp kịp thời như cắt giảm tối đa các khoản chi phí, giảm tiền lương, áp dụng 16 ngày công/tháng; cắt giảm một loạt các khoản chi phí không cần thiết; tái cấu trúc Công ty giảm đầu mỗi các Phòng ban và các Xí nghiệp trực thuộc; tăng cường thu hồi công nợ.

II. Thẩm định Báo cáo tài chính 2017:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính 2017 của Công ty và thống nhất với số liệu của kiểm toán độc lập.

1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại thời điểm 31/12/2017 (Đơn vị: tỷ đồng)

| TT | Chỉ tiêu | Ngày 31-12-2017 | Tỷ trọng |
|-----------|------------------------------------|-----------------|---------------|
| A | TỔNG TÀI SẢN | 1,760.30 | 100% |
| I | Tài sản ngắn hạn | 956,83 | 54,36% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 60,51 | 3,44% |
| 2 | Các khoản đ.tư tài chính ngắn hạn | | |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 632,33 | 35,92% |
| 4 | Hàng tồn kho | 247,55 | 14,06% |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 16,44 | 0,93% |
| II | Tài sản dài hạn | 803,47 | 45,64% |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 4,68 | 0,27% |
| 2 | Tài sản cố định | 689,72 | 39,18% |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 8,67 | 0,49% |
| 4 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 1,59 | 0,09% |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 0,89 | 0,05% |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 97,91 | 5,56% |
| B | TỔNG NGUỒN VỐN | 1,760.30 | 100% |

| TT | Chỉ tiêu | Ngày 31-12-2017 | Tỷ trọng |
|------------|--|-----------------|---------------|
| III | Nợ phải trả | 1.015,49 | 57,69% |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 933,15 | 53,01% |
| 2 | Nợ dài hạn | 82,34 | 4,68% |
| IV | Nguồn vốn | 744,82 | 42,31% |
| 1 | Vốn của Chủ sở hữu | 744,82 | 42,31% |
| * | <i>Trong đó: Vốn điều lệ</i> | <i>600,00</i> | <i>34,09%</i> |
| * | <i>Thặng dư vốn cổ phần</i> | <i>13,25</i> | <i>0,75%</i> |
| * | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | <i>92,26</i> | <i>5,24%</i> |
| * | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | <i>39,31</i> | <i>2,23%</i> |

2. Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu: 859,69 tỷ đồng;
- Tổng chi phí: 857,65 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 2,04 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 0,94 tỷ đồng.

3. Nhận xét, đánh giá:

Ban kiểm soát nhất trí với với Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của Công ty. Các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của HĐQT và BGD trình ĐHCĐ là trung thực, phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty.

III. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc:

- Trong năm 2017, Ban giám đốc đã bám sát và triển khai kịp thời các nghị quyết của HĐQT PVC-MS, các chỉ đạo của Tổng công ty CP XLDK Việt Nam.
- Ban giám đốc đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban tuần, tháng. Thành phần dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý. Mỗi cuộc họp đều được Thư ký tổng hợp đầy đủ các ý kiến thành biên bản lưu trữ có hệ thống tại văn thư.
- Ban giám đốc đã quyết liệt chỉ đạo công tác nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán tại các công trình, dự án như Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Công trình DK Bộ quốc phòng, Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1...
- Ban giám đốc kiểm tra giám sát thường xuyên các công trình trọng điểm, như Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Ban giám đốc đã phân công 01 đ/c phó giám đốc phụ trách để chỉ đạo kịp thời giải quyết các vướng mắc đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.
- Ban giám đốc đã rất quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017. Vào ngày thứ sáu hàng tuần đều họp rà soát thu hồi công nợ.
- Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động SXKD, có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý SXKD. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Thực hiện quyết liệt công tác tiết kiệm, chống lãng phí, kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao vật tư.

- Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty để nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

IV. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm. Các thành viên của HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được Ban giám đốc triển khai nghiêm túc kịp thời. Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua, bám sát chiến lược của Tổng công ty PVC giao cho.

- HĐQT đã có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Trong năm 2017 HĐQT đã ban hành 52 Quyết định và 12 Nghị quyết để chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định trong lĩnh vực quản lý đầu tư, quản lý tài chính, lao động tiền lương, tái cấu trúc doanh nghiệp...

- HĐQT duy trì họp thường xuyên có đầy đủ các thành viên tham dự, những cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp.

- HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

| Stt | Số Quyết định/ Nghị quyết | Ngày ban hành | Nội dung |
|------------|---|--------------------------|--|
| I | Đối với hoạt động của HĐQT: 03 QĐ | | |
| 1 | 77/QĐ-KCKL-HĐQT | 21/04/2017 | QĐ bổ nhiệm UV HĐQT Công ty ông Thái Doãn Thuyết. |
| 2 | 90/QĐ-KCKL-HĐQT | 16/05/2017 | QĐ phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT |
| 3 | 82/QĐ-KCKL-HĐQT | 25/04/2017 | QĐ thay đổi Người đại diện phần vốn góp của PVC-MS tại PV Pipe |
| II | Đối với kế hoạch SXKD: 08 QĐ | | |
| 1 | 36/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ phê duyệt kế hoạch SXKD 2017 |
| 2 | 38/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ giao KH SXKD 2017 cho XNXL1 |
| 3 | 39/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ giao KH SXKD 2017 cho XNXL2 |
| 4 | 40/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ giao KH SXKD 2017 cho XNXL3 |
| 5 | 41/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ giao KH SXKD 2017 cho XNC |
| 6 | 42/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ giao KH SXKD 2017 cho Đội XL5 |
| 7 | 43/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ giao KH SXKD 2017 cho Đội Điện |
| 8 | 44/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ giao KH SXKD 2017 cho Đội CAM |
| III | Đối với tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017: 04 QĐ và 02 NQ | | |
| 1 | 27/QĐ-KCKL-HĐQT | 09/02/2017 | QĐ thành lập Ban chỉ đạo ĐHĐCĐ 2017 |
| 2 | 28/QĐ-KCKL-HĐQT | 09/02/2017 | QĐ thành lập tổ giúp việc phục vụ ĐHĐCĐ 2017 |
| 3 | 50/NQ-KCKL-HĐQT | 13/03/2017 | NQ tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017 |

| | | | |
|-----------|--|------------|--|
| 4 | 79/QĐ-KCKL-HĐQT | 21/04/2017 | QĐ thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông 2017 |
| 5 | 104/QĐ-KCKL-HĐQT | 26/06/2017 | QĐ bổ nhiệm đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 |
| 6 | 136/NQ-KCKL-HĐQT | 15/09/2017 | NQ thanh toán cổ tức năm 2016 |
| IV | Đối với công tác Tổ chức hành chính: 16 QĐ và 03 NQ | | |
| 1 | 07/QĐ-KCKL-HĐQT | 09/01/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 2 | 19A/QĐ-KCKL-HĐQT | 23/01/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 3 | 48/QĐ-KCKL-HĐQT | 08/03/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 4 | 53/QĐ-KCKL-HĐQT | 17/03/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 5 | 76/QĐ-KCKL-HĐQT | 19/04/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 6 | 110/QĐ-KCKL-HĐQT | 12/07/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 7 | 117/QĐ-KCKL-HĐQT | 01/08/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (PTT+TSH) |
| 8 | 125/QĐ-KCKL-HĐQT | 12/08/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 9 | 141/QĐ-KCKL-HĐQT | 29/09/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 10 | 143A/QĐ-KCKL-HĐQT | 15/10/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 11 | 149/QĐ-KCKL-HĐQT | 07/11/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 12 | 150/QĐ-KCKL-HĐQT | 13/11/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 13 | 162/QĐ-KCKL-HĐQT | 18/12/2017 | QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài (TSH) |
| 14 | 37/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/03/2017 | QĐ thôi giữ chức PGĐ công ty ông Trần Vũ Phụng |
| 15 | 108/QĐ-KCKL-HĐQT | 04/07/2017 | QĐ thành lập ban chỉ đạo phòng chống khủng bố |
| 16 | 113/QĐ-KCKL-HĐQT | 17/07/2017 | QĐ giải thể Ban ĐHDA Sư Tử Trắng |
| 17 | 112/NQ-KCKL-HĐQT | 17/07/2017 | NQ giải thể Ban ĐHDA Sư Tử Trắng và thôi giữ chức Trưởng ban ĐHDA STT |
| 18 | 129/NQ-KCKL-HĐQT | 01/09/2017 | NQ bổ nhiệm lại đội phó Đội bảo vệ |
| 19 | 130/NQ-KCKL-HĐQT | 01/09/2017 | NQ bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo |
| V | Đối với các quy chế hoạt động: 05 QĐ | | |
| 1 | 34/QĐ-KCKL-HĐQT | 23/02/2017 | QĐ phê duyệt và ban hành quy chế quản lý máy và thiết bị |
| 2 | 49/QĐ-KCKL-HĐQT | 10/03/2017 | QĐ phê duyệt và ban hành quy chế quản lý vật tư, CCDC |
| 3 | 100/QĐ-KCKL-HĐQT | 13/06/2017 | QĐ điều chỉnh giảm đơn giá tiền lương hiệu quả và điều chỉnh thời gian làm việc. |
| 4 | 103/QĐ-KCKL-HĐQT | 26/06/2017 | QĐ phê duyệt sửa đổi bổ sung quy chế tuyển dụng và đào tạo |
| 5 | 111/QĐ-KCKL-HĐQT | 14/07/2017 | QĐ điều chỉnh phụ lục 01&02 Quy chế chi tiêu nội bộ của công ty |
| VI | Đối với điều hành SXKD: 12 QĐ và 7 NQ | | |
| 1 | 32/QĐ-KCKL-HĐQT | 14/02/2017 | QĐ phê duyệt sửa chữa những hư hỏng của Nhà kho chứa VTTB, Nhà xưởng chế tạo thiết bị và Kho kín 18m x 30m |
| 2 | 52/QĐ-KCKL-HĐQT | 13/03/2017 | QĐ phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu và danh sách nhà thầu tham gia gói thầu đánh giá chất lượng HMCT nhà xưởng mua lại của F.V.S |
| 3 | 65/QĐ-KCKL-HĐQT | 27/03/2017 | QĐ phê duyệt cải tạo bờ kè đá sạt lở tại bãi cảng chế tạo KCKL và TBDK |
| 4 | 85/QĐ-KCKL-HĐQT | 27/04/2017 | QĐ giao nhiệm vụ cho tổ xử lý vật tư dư thừa sau khi thi công các công trình của liên doanh Việt Nga (Vietsovpetro) |

| | | | |
|------------|--|------------|---|
| 5 | 92/QĐ-KCKL-HĐQT | 16/05/2017 | QĐ phương án chuyển nhượng quyền sử dụng đất Tiên Giang |
| 6 | 105/QĐ-KCKL-HĐQT | 28/06/2017 | QĐ phê duyệt KH thực hiện và dự toán chi phí thi công hạng mục kết cấu thép Nhà Turbine tổ máy 2-Dự án NMNĐ Thái Bình 2 |
| 7 | 120/QĐ-KCKL-HĐQT | 17/08/2017 | QĐ phê duyệt thay thế hộp điều khiển (ML Controller) cầu Kobelco 250T |
| 8 | 132/QĐ-KCKL-HĐQT | 06/09/2017 | QĐ tạm dừng đầu tư hạng mục sân bóng đá mini thuộc khu liên hợp VHTT cho CBCNV tại bãi cảng PVC-MS. |
| 9 | 142/QĐ-KCKL-HĐQT | 04/10/2017 | QĐ thanh lý TSCĐ, CCDC hư hỏng |
| 10 | 151/QĐ-KCKL-HĐQT | 14/11/2017 | QĐ phê duyệt giảm giá cho thuê bãi chế tạo hạng nặng, nhà xưởng, giá thuê cầu cảng |
| 11 | 153/QĐ-KCKL-HĐQT | 15/11/2017 | QĐ thanh lý xe ô tô Ford Lazer 72N-6890 |
| 12 | 154/QĐ-KCKL-HĐQT | 17/11/2017 | QĐ phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu và HSYC các gói thầu mua sắm vật tư thi công hoàn thiện phần kết cấu thép 22 hạng mục-Dự án NMNĐ Thái Bình 2 |
| 13 | 106/NQ-KCKL-HĐQT | 28/06/2017 | NQ bổ sung hạn mức tín dụng vốn lưu động và bảo lãnh tại Vietinbank |
| 14 | 122/NQ-KCKL-HĐQT | 21/08/2017 | NQ thông qua việc bán và thuê lại tài sản theo hình thức thuê tài chính máy móc thiết bị để bổ sung vốn lưu động phục vụ động SXKD |
| 15 | 137/NQ-KCKL-HĐQT | 15/09/2017 | NQ điều chỉnh thời gian trích khấu hao TSCĐ |
| 16 | 140/NQ-KCKL-HĐQT | 25/09/2017 | NQ ký phụ lục giá hợp đồng gói thầu thi công chân đế, cọc, bê tông trọng lực P13 với Alpha ECC |
| 17 | 156/NQ-KCKL-HĐQT | 23/11/2017 | NQ ký hợp đồng gói thầu gia công lắp đặt kết cấu thép dự án Sao Mai Resort |
| 18 | 157/NQ-KCKL-HĐQT | 24/11/2017 | NQ phê duyệt gia hạn hạn mức tín dụng ngắn hạn tại PVCombank |
| 19 | 163/NQ-KCKL-HĐQT | 18/12/2017 | NQ ký phụ lục giá hợp đồng gói thầu “Thi công kết cấu giám chịu lực MSF Kết cấu khối thượng tầng, Hệ thống điện của P13; Bê tông trọng lực của P11, P12” – Dự án sửa chữa nâng cấp công trình P11,P12,P13,P14 |
| VII | Đối với công tác tái cấu trúc doanh nghiệp: 04 QĐ | | |
| 1 | 160/QĐ-KCKL-HĐQT | 12/12/2017 | QĐ sắp xếp, kiện toàn các Phòng chức năng, đơn vị trực thuộc |
| 2 | 164/QĐ-KCKL-HĐQT | 18/12/2017 | QĐ đổi tên và chuyển đổi mô hình hoạt động của XNXL 1 |
| 3 | 165/QĐ-KCKL-HĐQT | 18/12/2017 | QĐ đổi tên và chuyển đổi mô hình hoạt động của XNXL 2 |
| 4 | 166/QĐ-KCKL-HĐQT | 18/12/2017 | QĐ đổi tên và chuyển đổi mô hình hoạt động của XNXL 3 |

V. Đánh giá công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

- Công ty không cơ cấu bộ phận chuyên trách làm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên, việc kiểm tra giám sát hoạt động được Công ty chú trọng và thực hiện thường xuyên. Trong năm, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành kiểm tra 02 lần các đơn vị

trực thuộc. Hội đồng quản trị cũng thường xuyên làm việc trực tiếp với các Phòng/ ban và các đơn vị trực thuộc.

- Trong việc quản trị và cảnh báo sớm của Công ty: Trong các cuộc họp giao ban, một số Phòng/ban có nêu ý kiến về nội dung này, nhưng chưa lập thành văn bản.

- Nhìn chung công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, đánh giá rủi ro của Công ty chưa đồng bộ và không xây dựng kế hoạch định kỳ. Các vấn đề phát sinh được xử lý từng vụ việc dẫn đến hiệu quả quản trị chưa cao.

VI. Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban giám đốc:

Trong năm 2017, BKS đã được cung cấp thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và BGD. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình BKS đã được HĐQT và BGD tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

VII. Đánh giá rủi ro tiềm ẩn:

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban KS có một số nhận xét sau:

- Một số khoản công nợ quá hạn không có khả năng thu hồi: 3,66 tỷ đồng của Ban quản lý dự án 5B-Cảng xuất NMLD Dung Quất; 200 triệu đồng của Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME); 530 triệu của ông Huỳnh Kim Quy.

- Khoản công nợ khó đòi: 20,3 tỷ đồng của Công ty TNHH Nhà máy sửa chữa và đóng tàu Sài Gòn (Triyards).

- Khoản vốn góp 5 tỷ đồng vào KS Lam Kinh không hiệu quả, có nguy cơ mất vốn.

- Số dư vay ngân hàng và công ty tài chính còn rất lớn 468,67 tỷ, sẽ là áp lực trả lãi vay trong năm 2018.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Công ty:

1. Về công tác xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Công tác xây dựng kế hoạch: trên cơ sở các chỉ tiêu thực hiện năm 2017 và đánh giá khả năng thực hiện trong tương lai, Công ty cần xây dựng kế hoạch sản lượng, doanh thu chi phí, lợi nhuận, nhân sự quỹ lương và các chỉ tiêu tài chính khác một cách khả thi, sát với thực tế, tránh tình trạng cuối năm lại xin điều chỉnh kế hoạch.

- Đồng thời, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty cần quyết liệt, đôn đốc và bố trí nhân lực tập trung hoàn tất hồ sơ nghiệm thu thanh toán các hạng mục đã hoàn thành thi công tại Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1.

2. Về công tác thực hiện đầu tư:

Chú trọng đầu tư vào Bãi cảng Chế tạo kết cấu kim loại và Thiết bị Dầu khí, khai thác hết công năng của bãi cảng PVC-MS. Thực hiện các dịch vụ cầu cảng, bốc dỡ hàng hóa, cho thuê kho bãi, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ hậu cần...

3. Về công tác tài chính:

- Tập trung thu hồi các khoản công nợ phải thu để có vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản vay ngân hàng để giảm lãi vay. Với những khoản nợ khó đòi có thể khởi kiện ra toà án/ hoặc bán nợ cho Công ty mua bán nợ.

- Đôn đốc thu hồi hoàn ứng các khoản nợ cá nhân đến hạn thanh toán, hạn chế tạm ứng bằng tiền mặt.

-
- Sử dụng dòng tiền đúng mục đích theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty và Tổng công ty PVC.
 - Giám sát chặt chẽ khâu mua và nhập xuất vật tư tại công trường, phải bám sát tiến độ thi công tránh tình trạng mua thừa hoặc mua quá lâu trước khi thi công (bị đọng vốn).
 - Phòng Tài chính - Kế toán bố trí cán bộ chuyên trách tại các dự án để theo dõi, ghi chép, quản lý chi phí. Đối chiếu thường xuyên tổng chi phí với tổng sản lượng thực hiện.
 - Thanh lý các loại vật tư, công cụ dụng cụ, TSCĐ không cần dùng để giảm bớt chi phí khấu hao.

4. Về công tác tổ chức:

- Tiếp tục rà soát lại lực lượng lao động trong toàn Công ty, có kế hoạch giải quyết số lao động dôi dư.
- Làm thủ tục bổ sung giấy phép sửa chữa tàu thuyền và phương tiện nội.
- Hoàn thiện các quy chế sau khi tái cấu trúc và kiểm tra đánh giá lại hiệu quả công tác tái cấu trúc Công ty.

5. Công tác xây dựng hệ thống các quy định quản lý nội bộ và công tác khác:

HĐQT, Ban giám đốc công ty tiếp tục chỉ đạo rà soát xây dựng, sửa đổi ban hành một số quy chế, quy định nội bộ phù hợp công tác tái cấu trúc Công ty.

IX. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng công ty PVC:

- Hiện nay, PVC-MS đang thi công chủ yếu 02 dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 trên cơ sở hợp đồng thầu phụ với PVC. Như đã báo cáo ở trên, công tác nghiệm thu thanh quyết toán các gói xây lắp dự án này rất chậm vì vậy, Ban kiểm soát kính đề nghị lãnh đạo Tổng công ty PVC chỉ đạo các Phòng/ban trong Tổng công ty quan tâm, xem xét giải quyết nhanh gọn để PVC-MS có cơ sở thu nợ và chủ động nguồn tiền thi công các hạng mục tiếp

- Đối với khoản góp vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh 5 tỷ đồng, đơn vị này đã lỗ nhiều năm dẫn đến ảnh hưởng kết quả SXKD chung của PVC-MS. Do đó, Ban kiểm soát kính đề nghị Tổng công ty hỗ trợ trong việc tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản vốn góp trên.

- Kính đề nghị Tổng công ty giúp đỡ PVC-MS thu hồi công nợ 3,658 tỷ đồng của Ban quản lý dự án 5B-Cảng xuất NMLD Dung Quất, và 200 triệu đồng của Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME).

PHẦN III

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

I. Các hoạt động chính và thường xuyên:

- Kiểm tra giám sát việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.

-
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của công ty. Thẩm định báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và Ban giám đốc.
 - Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, họp giao ban, sơ kết, tổng kết và hội nghị chuyên đề của Công ty, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.
 - Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty.
 - Lập báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ theo quy định của Tổng công ty.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của ban kiểm soát.
 - Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo thông báo của Trưởng Ban kiểm soát.

II. Chương trình cụ thể:

1. Quý I/2018:

- Giám sát công tác kiểm kê tài sản, tiền vốn, công cụ dụng cụ đến 0h ngày 01/01/2018.
- Giám sát công tác lập Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017.
- Lập báo cáo phục vụ Đại hội cổ đông thường niên 2018.
- Lập báo cáo giám sát quý I/2018.
- Họp Ban kiểm soát quý I/2018.

2. Quý II/2018:

- Giám sát công tác tổ chức Đại hội cổ đông 2018.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính quý I năm 2018 của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Kiểm tra thực tế về tình hình SXKD, sử dụng và bảo toàn vốn tại các đơn vị trực thuộc, chú trọng vào công tác thu hồi công nợ.
- Kiểm tra việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Lập báo cáo giám sát quý II/2018.
- Họp Ban kiểm soát quý II/2018.

3. Quý III/2018:

- Giám sát công tác kiểm kê tài sản, tiền vốn, công cụ dụng cụ đến 0h ngày 01/07/2018.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2018.
- Lập báo cáo giám sát quý III/2018.
- Họp Ban kiểm soát quý III/2018.

4. Quý IV/2018:

- Thẩm tra Báo cáo Tài chính quý III năm 2018.
- Giám sát việc chuẩn bị lập Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
 - Kiểm tra thực tế về tình hình SXKD tại các đơn vị trực thuộc PVC-MS, chú trọng vào công tác sử dụng lao động tiền lương, thu hồi công nợ, quản lý tài sản, công cụ dụng cụ.
- Lập báo cáo định kỳ 2018 và kế hoạch hoạt động BKS năm 2019.
- Họp Ban kiểm soát quý IV/2018.
- Tham gia tập huấn nghiệp vụ do Tập đoàn, Tổng công ty và Công ty PVC-MS tổ chức (nếu có).

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017, kế hoạch hoạt động năm 2018 trình quý cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- Lưu VP, BKS.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Thân

PHỤ LỤC
Báo cáo chi trả tiền lương/ thù lao của Ban kiểm soát
năm 2017 và kế hoạch 2018

I. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BKS NĂM 2017

Tổng chi phí tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2017: 657.610.207 đồng, cụ thể:

| TT | Họ và Tên | Chức danh | Kế hoạch năm 2017 | Chi phí năm 2017 |
|-----------|------------------|------------------|--------------------------|-------------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Thân | Trưởng ban | 424.925.000 | 373.082.071 |
| 2 | Hoàng Văn Hải | TV chuyên trách | 300.716.000 | 271.028.136 |
| 3 | Vũ Thị Thu Hải | TV kiêm nhiệm | 18.000.000 | 13.500.000 |
| | Cộng | | 743.641.000 | 657.610.207 |

II. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BKS NĂM 2018

- Căn cứ số lượng Thành viên Ban kiểm soát theo Điều lệ quy định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty cổ phần kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.;

- Căn cứ vào Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách trả lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách mức thù lao: 1.500.000 đồng/tháng.

- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2018: 674.000.000 đồng.

| Stt | Họ và Tên | Chức danh | Kế hoạch 2018 |
|------------|-----------------------|------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Thùy Trang | Trưởng ban | 352.000.000 |
| 2 | Hoàng Văn Hải | TV chuyên trách | 304.000.000 |
| 3 | Vũ Thị Thu Hải | TV kiêm nhiệm | 18.000.000 |
| | Cộng | | 674.000.000 |

Số: 43/TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2017;

Thực hiện Nghị quyết số 87/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, PVC-MS đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 của PVC-MS (*Đính kèm theo báo cáo*).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Quang

Số: 44/BC-KCKL-KHĐT

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

BÁO CÁO

V/v: Tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2017 và kế hoạch đầu tư năm 2018

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 về kết quả thực hiện đầu tư năm 2017 và kế hoạch đầu tư năm 2018, như sau:

I. Tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2017:

Trong năm 2017, PVC-MS đã quyết định tạm dừng công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công so với kế hoạch do diễn biến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, việc tiếp tục triển khai công tác đầu tư sẽ làm cho dự án không đảm bảo hiệu quả đầu tư.

II. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty PVC-MS quyết định không đầu tư mua sắm nâng cao năng lực thiết bị thi công mà tận dụng triệt để các thiết bị hiện có hoặc thuê ngoài để giảm thiểu gánh nặng về nguồn vốn đầu tư. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, Công ty PVC-MS chỉ thực hiện nâng cấp, sửa chữa một số HMCT cần thiết tại Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí, cụ thể:

| Stt | Tên Dự án | Tổng mức đầu tư | KH vốn năm 2018 | | | KHV năm 2019 |
|-----|----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|-------------|--------------|
| | | | Giải ngân | Vốn CSH | Vốn vay | |
| 1 | Hệ thống hàng rào bao quanh | 4,50 | 1,80 | 0,54 | 1,26 | 2,70 |
| 2 | Hệ thống thoát nước mặt bãi cảng | 6,00 | 2,40 | 0,72 | 1,68 | 3,60 |
| 3 | San lấp | 0,30 | 0,30 | 0,09 | 0,21 | 0,00 |
| | Tổng cộng | 10,8 | 4,50 | 1,35 | 3,15 | 6,30 |

Nguồn vốn đầu tư: 30% vốn tự có và 70% vốn vay từ các tổ chức tín dụng;

Hội đồng quản trị xin báo cáo tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2017 và kế hoạch đầu tư năm 2018, kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Công ty mẹ - Tổng công ty PVC và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT, KT-KH.

Đỗ Văn Quang

Số: /BC-KCKL-KHĐT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018.

TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua việc kiện toàn nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát Công ty**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2017;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-XLKD ngày .../6/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận đề Người đại diện phần vốn biểu quyết thông qua việc

Căn cứ Quyết định số/QĐ-KCKL-HĐQT ngày .../6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc bổ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT PVC-MS;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-KCKL-HĐQT ngày .../6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát PVC-MS;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua việc kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty như sau:

1. Ông Nguyễn Đình Thế thôi giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

2. Bổ nhiệm Ông Lê Tự Hiếu, sinh ngày: 25/10/1955, trình độ: Cử nhân kinh tế vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí và giữ chức Thành viên độc lập HĐQT Công ty.

3. Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh ngày: 19/7/1982, trình độ: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính kế toán vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí và giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

** (Đính kèm theo các văn bản liên quan).*

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo ĐHĐCĐ việc kiện toàn nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát Công ty và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu VT, TC-HC.

Đỗ Văn Quang

PHỤ LỤC KÈM THEO TỜ TRÌNH

1. Tóm tắt quá trình công tác của ông Lê Tự Hiếu, sinh ngày 25/10/1955, Cử nhân kinh tế như sau:

- Từ 11/2015 đến nay: Nghỉ hưu tại Phường 7, Tp. Vũng Tàu;
- Từ 2007 – 11/2015: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Từ 2005 – 2007: Phó bí thư Đảng ủy, Phó Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau;
- Từ 2000 – 2005: Kế toán trưởng - Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau;
- Từ 1999 – 2000: Trưởng Chi nhánh Đào tạo an toàn Trường Cao đẳng nghề Dầu khí;
- Từ 1985 – 1999: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Trường Cao đẳng nghề Dầu khí;
- Từ 1983 – 1985: Phó phòng Tài chính – Kế toán Trường Cao đẳng nghề Dầu khí;
- Từ 1980 – 1982: Chuyên viên phòng Tài chính – Kế toán Trường Cao đẳng nghề Dầu khí;
- Từ 1976 – 1980: Chuyển ngành khỏi Quân đội và học tại Trường Tài chính Kế toán Tp. HCM;
- Từ 12/1972 – 1976: Chiến sỹ Quân đội Nhân dân Việt Nam, tham gia chiến đấu tại chiến trường Miền Nam.

2. Tóm tắt quá trình công tác của bà Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/7/1982, Cử nhân kinh tế như sau:

- 25/01/2018: Thôi giữ chức Phó chánh Văn phòng để nhận nhiệm vụ khác;
- 02/2016 – 01/2018: Phó chánh Văn phòng Công ty PVC-MS;
- 12/2014 – 01/2016: Phó Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Cảng, Công ty PVC-MS;
- 11/2010 – 11/2014: Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Dịch vụ Cảng, Công ty PVC-MS;
- 4/2007 – 10/2014: Bổ nhiệm Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty PVC-MS.

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHCĐ thông qua ngày 28/04/2017;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí, cụ thể:

- Thông qua danh sách 02 (hai) Công ty Kiểm toán độc lập gồm có:
 1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
 2. Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young;

Đề Hội đồng quản trị Công ty làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2018.

- Thông qua việc Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn và bổ nhiệm một trong 02 Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2018 theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Quang

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân chia lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch chia cổ tức năm 2018

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí;

Căn cứ Báo cáo Tài chính về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí;

Hội đồng quản Trị Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch chia cổ tức năm 2018:

I. Về phương án phân chia lợi nhuận năm 2017:

| Stt | Nội dung các khoản mục | Tỷ lệ | Thành tiền |
|------------|--|-------|--------------------|
| I | Tổng lợi nhuận sau thuế dự kiến phân phối | | 943.815.443 |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế năm 2017 | | 943.815.443 |
| II | Dự kiến phân chia | | 0 |
| 1 | Trích quỹ khen thưởng (1% của LNST) | 0% | 0 |
| 2 | Trích quỹ phúc lợi (1% của LNST) | 0% | 0 |
| 3 | Trích quỹ đầu tư phát triển (9% của LNST) | 0% | 0 |
| 4 | Chia cổ tức cho cổ đông (4.1 + 4.2) | 0% | 0 |
| 4.1 | Cổ tức đã tạm ứng | 0% | 0 |
| 4.2 | Chia cổ tức 8% của vốn điều lệ (*) | 0% | 0 |
| III | Lợi nhuận giữ lại của năm 2017 (I - II) | | 943.815.443 |

(*) Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty CP Kết cấu kim loại và lắp máy Dầu khí, cổ tức dự kiến được chia với tỷ lệ 8%/mệnh giá. Tuy nhiên, do tình hình thực tế hoạt động sản

xuất kinh doanh trong năm 2017, các chỉ tiêu kinh tế của Công ty không đạt so với kế hoạch đặt ra, với mức lợi nhuận sau thuế là 943,8 triệu đồng không đủ để thực hiện việc chia cổ tức. Do vậy, Hội đồng quản trị công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông không thực hiện việc chia cổ tức của năm 2017 như kế hoạch đã đề ra.

II. Về kế hoạch chia cổ tức năm 2018:

Kế hoạch chia cổ tức năm 2018: PVC-MS không thực hiện việc chia cổ tức do năm 2018 tình hình hoạt động SXKD của Công ty vẫn còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. (Căn cứ theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2018, lợi nhuận trước thuế năm 2018 của Công ty là 2 tỷ đồng không đủ để thực hiện việc chia cổ tức).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua các nội dung trên.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Quang

Số: 80/TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 04 tháng 6 năm 2018.

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo tình hình chi trả tiền lương/ thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tình hình chi trả tiền lương/ thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018 như sau:

1. Báo cáo tình hình chi trả tiền lương/ thù lao HĐQT và BKS năm 2017:

Tổng chi trả tiền lương/ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ 01/01/2017 đến hết 31/12/2017: 2.601.275.207 đồng. Trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách: 1.725.661.207 đồng (hưởng theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty).
- Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 875.614.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).

2. Căn cứ để xác định tiền lương/ mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2018:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí;
- Tham khảo mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của một số đơn vị trong ngành trong cùng địa bàn;
- Thực tế yêu cầu đòi hỏi về năng lực quản trị, năng lực kiểm soát hiện nay của Công ty.

3. Phương án tiền lương/ thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018:

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của Tổng công ty được hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của

Công ty phù hợp với Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện của Tổng công ty và hiệu quả SXKD của Công ty.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện vốn của Mepcom Offshore & Marine Pte. Ltd. tại PVC-MS được hưởng mức thù lao: 10.000.000 đồng/tháng.

- Đối với Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng mức phụ cấp: 5.000.000 đồng/tháng.

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 1.500.000 đồng/tháng.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Quang

TỔNG CÔNG TY
CÔ PHÂN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI & LẮP MÁY DK
.....

Phụ lục số 1

BẢNG QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA PVC LÀ ỦY VIÊN HĐQT, BKS NĂM 2017

| TT | Họ và tên Người đại diện | Chức danh | Thực hiện năm 2016 | Kế hoạch năm 2017 (đồng) | Thực hiện năm 2017 (đồng) | So sánh | | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------|-------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------|--------------|----------|
| | | | | | | Số tiền | Tỷ lệ | |
| I | Hội đồng quản trị | | 2,917,422,046 | 2,281,236,000 | 1,943,665,000 | (337,571,000) | 85.2% | |
| 1 | Đỗ Văn Quang | chuyên trách CT HĐQT | 758,835,000 | 588,357,000 | 517,675,000 | (70,682,000) | 88.0% | |
| 2 | Nguyễn Đình Thế | Phó chủ tịch HĐQT | 696,566,000 | 506,641,000 | 404,576,000 | (102,065,000) | 79.9% | |
| 3 | Phạm Tấn Thành | Giám đốc, kiêm nhiệm UVHĐQT | 714,511,000 | 588,357,000 | 517,675,000 | (70,682,000) | 88.0% | |
| 4 | Nguyễn Văn Hương | UVHĐQT (Từ tháng 1 đến hết T2/2017) | 627,510,046 | 69,300,000 | 69,300,000 | | 100.0% | Nghỉ hưu |
| 5 | Thái Doãn Thuyết | UVHĐQT (Từ tháng 3) | | 408,581,000 | 344,439,000 | (64,142,000) | 84.3% | |
| 6 | Lim Hau Guan | UVHĐQT | 120,000,000 | 120,000,000 | 90,000,000 | (30,000,000) | 75.0% | |
| II | Ban kiểm soát | | 949,913,000 | 743,641,000 | 657,610,207 | (86,030,793) | 88.4% | |
| 1 | Nguyễn Văn Thân | Trưởng ban KS chuyên trách | 547,996,000 | 424,925,000 | 373,082,071 | (51,842,929) | 87.8% | |
| 2 | Hoàng Văn Hải | Thành viên ban KS chuyên trách | 383,917,000 | 300,716,000 | 271,028,136 | (29,687,864) | 90.1% | |
| 3 | Vũ Thị Thu Hải | Thành viên ban KS kiêm nhiệm | 18,000,000 | 18,000,000 | 13,500,000 | (4,500,000) | | |
| | Tổng cộng | | 3,867,335,046 | 3,024,877,000 | 2,601,275,207 | (423,601,793) | 86.0% | |

Người lập biểu

P.TC-HC

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thị Bình

Nguyễn Thị Hồng Hoa

Đào Thị Hải Vân

Phạm Cát Chánh



KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

| TT | Họ và tên Người đại diện | Chức danh | Hệ số lương | | | Mức phụ cấp | | | | Qltd (1.000đ) | Qlthq (1.000đ) | Qpc (1.000đ) | Qlts (1.000đ) (06 tháng) | Qlkh (1.000đ) |
|-----------|--------------------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------|------------------|------------------|-------------------|-----------------|--------------------------------|------------------|
| | | | Lương chức danh (1.000 đ) | Lương hiệu quả (1.000đ) | Hệ số phụ cấp cơ bản | Phụ cấp thu hút (%) | Phụ cấp kiêm nhiệm (1.000đ) | Thưởng an toàn (1000 đ) | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | |
| I | Hội đồng quản trị | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đỗ Văn Quang | Chuyên trách CT HĐQT | 18.0 | 18.0 | | | | | 918,000 | 306,000 | - | 408,000 | 1,812,000 | |
| 2 | Lê Tự Hiếu | UVHĐQT độc lập | | | | | | | 324,000 | 108,000 | - | 144,000 | 576,000 | |
| 3 | Phạm Tấn Thành | Giám đốc, kiêm nhiệm UVHĐQT | 18.0 | 18.0 | | | | | 324,000 | 108,000 | - | 144,000 | 576,000 | |
| 4 | Thái Đoàn Thuyết | PGD, kiêm nhiệm UVHĐQT | 15.0 | 15.0 | | | | | 270,000 | 90,000 | - | 120,000 | 480,000 | |
| 5 | Lâm Hậu Guan | UVHĐQT | | | | | | | - | - | - | - | 120,000 | |
| II | Ban kiểm soát | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thủy Trang | Trưởng ban KS chuyên trách | 11.0 | 11.0 | | | | | 369,000 | 123,000 | - | 164,000 | 674,000 | |
| 2 | Hoàng Văn Hải | Thành viên ban KS chuyên trách | 9.5 | 9.5 | | | | | 198,000 | 66,000 | - | 88,000 | 352,000 | |
| 3 | Vũ Thị Thu Hải | Thành viên ban KS kiêm nhiệm | | | | | | | 171,000 | 57,000 | - | 76,000 | 304,000 | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | 1,287,000 | 429,000 | - | 572,000 | 2,486,000 | |

Người lập biểu

Phung Thi Binh

Phung Thi Binh

P.TC-HC

Nguyen Thi Hong Hoa

Nguyen Thi Hong Hoa

Kế toán trưởng

Pham Ngoc Loi

PHÒNG PHỤ TRÁCH TCKT
Pham Ngoc Loi

Giám đốc



Pham Cat Chinh

Số: 49/TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty
và ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được ban hành theo Quyết định số 39/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 23/03/2010;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2017;

Để phù hợp với quy định mới của pháp luật hiện hành và nhu cầu quản trị, định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí. Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung sau tại Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (*được đính kèm theo*).

Nếu Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, bản Điều lệ tổ chức và hoạt động được sửa đổi, bổ sung và bản Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí sẽ có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2018.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT, KTKH, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Quang

Số: 52 /TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc ký kết Hợp đồng Dự án Hóa dầu Long Sơn

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2017;

Căn cứ Thư chỉ định của Chủ đầu tư - Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn ngày 14/7/2017 và Thư thông báo trúng thầu ngày 14/7/2017 của Liên danh Tổng thầu chính gói A (A2) - Kho chứa và các đường ống dẫn liên kết thuộc Dự án Tổ hợp Hóa dầu Long Sơn cho Liên danh giữa Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty POSCO Engineering and Construction Co., Ltd. (PEC);

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt ký kết hợp đồng Dự án Hóa dầu Long Sơn với đối tác các nội dung chính sau:

1. Về phạm vi công việc:

Thiết kế, mua sắm, thi công chế tạo bao gồm các hạng mục: Khu bồn bể và thượng tầng của Cầu cảng; Hệ thống đường ống đấu nối; Hệ thống đường ống cứu hỏa.

2. Về tiến độ thi công: dự kiến 45 tháng.

3. Về giá trị hợp đồng phần việc của PVC-MS:

- Phần hợp đồng theo USD chưa bao gồm thuế VAT: 11.489.950 USD (*Bằng chữ: Mười một triệu, bốn trăm tám mươi chín ngàn, chín trăm năm mươi đô la mỹ*);

- Phần hợp đồng theo VNĐ chưa bao gồm thuế VAT: 2.187.111.991.358 VNĐ (*Bằng chữ: Hai ngàn một trăm tám mươi bảy tỷ, một trăm mười một triệu, chín trăm chín mươi một ngàn, ba trăm năm mươi tám đồng*).

4. Hình thức thanh toán:

- Tạm ứng: 10% giá trị hợp đồng;
- Thanh toán theo tiến độ thực hiện: 78% giá trị hợp đồng đã bao gồm tạm ứng.
- Thanh toán theo mốc: 22% giá trị hợp đồng đã bao gồm tạm ứng;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT, KT-KH.

Đỗ Văn Quang

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
2. Tóm tắt quá trình công tác của Ông Lê Tự Hiếu và Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.
3. Văn bản số/XLDK-HĐQT và Nghị Quyết số/NQ-XLDK ngày .../.../2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận đề Người đại diện phần vốn biểu quyết thông qua việc
4. Phụ lục 1 và 2 về chi trả tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018.
5. Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và Phụ lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ
LẮP MÁY DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 8 - 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 37 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thăng Nhất,
thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|---|
| Ông Đỗ Văn Quang | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đình Thế | Phó Chủ tịch |
| Ông Thái Doãn Thuyết | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017) |
| Ông Phạm Tất Thành | Ủy viên |
| Ông Lim Hau Guan | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Văn Hương | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Ông Phạm Tất Thành | Giám đốc |
| Ông Phạm Chu Tứ | Phó Giám đốc |
| Ông Trần Sỹ Huấn | Phó Giám đốc |
| Ông Thái Doãn Thuyết | Phó Giám đốc |
| Ông Trần Vũ Phương | Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Tắt Thành
Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Số: 668 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 956.832.257.351 | 1.029.512.212.106 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 60.507.857.390 | 400.379.158.514 |
| 1. Tiền | 111 | | 58.907.857.390 | 76.779.158.514 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.600.000.000 | 323.600.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 632.334.141.800 | 467.888.530.825 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 637.150.118.453 | 430.429.897.843 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.377.114.499 | 13.270.278.662 |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | 13.654.752.194 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 8.028.091.547 | 16.962.894.814 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8 | (14.221.182.699) | (6.429.292.688) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 247.550.617.638 | 154.782.155.944 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 250.404.177.153 | 154.782.155.944 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.853.559.515) | - |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 16.439.640.523 | 6.462.366.823 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 1.461.830.338 | 6.345.322.533 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 15 | 14.977.810.185 | 117.044.290 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 803.472.065.156 | 885.572.221.464 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 4.680.548.200 | 5.415.219.200 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 7 | 4.680.548.200 | 5.415.219.200 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 689.720.510.110 | 758.120.439.876 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 593.050.310.961 | 718.297.088.733 |
| - Nguyên giá | 222 | | 920.949.606.213 | 1.034.655.927.902 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (327.899.295.252) | (316.358.839.169) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 12 | 83.277.656.884 | 26.026.424.393 |
| - Nguyên giá | 225 | | 104.946.402.796 | 38.094.379.765 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (21.668.745.912) | (12.067.955.372) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 13.392.542.265 | 13.796.926.750 |
| - Nguyên giá | 228 | | 28.256.996.162 | 27.560.710.877 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (14.864.453.897) | (13.763.784.127) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 14 | 8.672.720.604 | 7.970.945.898 |
| - Nguyên giá | 231 | | 10.825.771.394 | 9.554.038.689 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (2.153.050.790) | (1.583.092.791) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.593.639.558 | 1.489.587.928 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.593.639.558 | 1.489.587.928 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 894.738.479 | 1.530.245.046 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 5.050.000.000 | 5.050.000.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (4.155.261.521) | (3.519.754.954) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 97.909.908.205 | 111.045.783.516 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 97.909.908.205 | 111.045.783.516 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.760.304.322.507 | 1.915.084.433.570 |


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị: VND | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.015.487.482.573 | 1.091.450.918.083 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 933.151.133.075 | 914.644.995.700 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 408.218.184.994 | 176.622.462.243 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 39.736.897.007 | 358.387.212.994 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 6.227.796.886 | 13.091.381.514 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 6.146.516.945 | 84.666.033.834 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 23.444.914.518 | 48.651.126.859 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 34.970.650 | 34.671.000 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 4.851.041.570 | 4.376.269.363 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 19 | 410.531.762.043 | 194.247.793.365 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 20 | 21.258.336.982 | 15.990.217.936 |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 12.700.711.480 | 18.577.826.592 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 82.336.349.498 | 176.805.922.383 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 1.052.901.064 | |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 18 | 424.101.867 | 399.461.867 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 21 | 58.140.187.588 | 152.317.594.946 |
| 4. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 20 | 22.719.158.979 | 24.088.865.570 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 744.816.839.934 | 823.633.515.487 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 22 | 744.816.839.934 | 823.633.515.487 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 13.251.400.000 | 13.251.400.000 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (20.000) | (20.000) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 92.258.894.332 | 84.336.684.846 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 39.306.565.602 | 126.045.450.641 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước | 421a | | 38.362.750.159 | 38.020.900.802 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 943.815.443 | 88.024.549.839 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 1.760.304.322.507 | 1.915.084.433.570 |


Đào Thị Hải Vân
Người lập biểu


Phạm Ngọc Tú
Phó phòng, phụ trách Phòng
Tài chính - Kế toán


Phạm Tấn Thành
Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|---|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 24 | 835.865.268.579 | 1.548.358.194.775 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01) | 10 | | 835.865.268.579 | 1.548.358.194.775 |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 25 | 756.148.889.500 | 1.331.894.977.715 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 79.716.379.079 | 216.463.217.060 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 27 | 5.629.886.864 | 2.378.497.790 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 28 | 33.553.325.006 | 37.350.843.287 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 32.782.703.036 | 35.880.451.008 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | 66.574.650.358 | 71.153.388.636 |
| 8. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26) | 30 | | (14.781.709.421) | 110.337.482.927 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | 30 | 18.190.912.705 | 3.408.706.258 |
| 10. Chi phí khác | 32 | 31 | 1.370.955.915 | 3.206.519.774 |
| 11. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 16.819.956.790 | 202.186.484 |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 2.038.247.369 | 110.539.669.411 |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 32 | 1.094.431.926 | 22.515.119.572 |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | 943.815.443 | 88.024.549.839 |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 33 | 15 | 1.438 |



Đào Thị Hải Vân
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tú
Phó phòng, phụ trách Phòng
Tài chính - Kế toán



Phạm Tất Thành
Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------|--------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 2.038.247.369 | 110.539.669.411 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 69.433.722.828 | 69.682.250.707 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 15.179.368.548 | (748.114.019) |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 9.000.232 | 478.368.787 |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (5.646.369.790) | (1.847.299.272) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 32.782.703.036 | 35.880.451.008 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 113.796.672.223 | 213.985.326.622 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (180.656.781.684) | 29.024.833.077 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (95.622.021.209) | 46.878.430.608 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (185.400.359.010) | 153.099.756.013 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 18.019.367.506 | 14.988.552.099 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (32.410.317.646) | (36.036.141.080) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (12.756.572.214) | (27.119.760.291) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 2.597.742.000 | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (9.476.037.108) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (381.908.307.142) | 394.820.997.048 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (2.129.954.650) | (73.306.537.690) |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 | 67.897.477.576 | 5.000.000 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 5.702.140.204 | 2.064.723.660 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 71.469.663.130 | (71.236.814.030) |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------|--------------------------|-------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 433.885.921.130 | 966.038.796.464 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (354.137.775.606) | (1.024.098.841.128) |
| 3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | (31.178.809.538) | (11.905.574.258) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (77.992.506.800) | (17.702.159.220) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (29.423.170.814) | (87.667.778.142) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | (339.861.814.826) | 235.916.404.876 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 400.379.158.514 | 164.458.036.841 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (9.486.298) | 4.716.797 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 60.507.857.390 | 400.379.158.514 |



Đào Thị Hải Vân
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tú
Phó phòng, phụ trách Phòng
Tài chính - Kế toán

Phạm Tất Thành
Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3500834094, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND, được chia thành 60.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.410 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.598).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành;
- Kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; kinh doanh văn phòng nhà ở;
- Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền); xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển; xây dựng đô thị;
- Đóng tàu, đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình; lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp; quản lý dự án; quản lý chất lượng xây dựng công trình; tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình; khảo sát địa hình, địa chất công trình; thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;

- Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc;
- Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng;
- Kinh doanh cho thuê phương tiện vận tải;
- Giám sát các công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát, thiết kế và xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Do đặc điểm hoạt động của Công ty chủ yếu làm trong lĩnh vực xây lắp, Công ty không có chu kỳ sản xuất kinh doanh cố định mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 01 chi nhánh là xí nghiệp Dịch vụ Cảng

Trong năm 2017, Công ty thực hiện chấm dứt hoạt động các Xí nghiệp xây lắp 1, 2 và 3 tại TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam theo Quyết định số 160/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

500
3 T
H H
IT
NA
TP

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Năm nay (Số năm) |
|------------------------|-----------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 30 |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 15 |
| Phương tiện vận tải | 5 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 7 |

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.



Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

| | <u>Năm nay</u> <u>(Số năm)</u> |
|-------------------|-----------------------------------|
| Máy móc, thiết bị | 5 - 15 |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng 3.570,9 m² đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là phần diện tích sàn tầng 1 và một phần tầng 2 của công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê hạ tầng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng bảo hành công trình được ghi nhận tương ứng với doanh thu lũy kế của công trình mà Công ty có nghĩa vụ bảo hành cho khách hàng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ phát sinh các khoản dự phòng bảo hành đối với các công trình dầu khí trên bờ theo đó Công ty chỉ trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình dầu khí trên bờ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt | 202.135.973 | 166.455.493 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i) | 58.705.721.417 | 76.612.703.021 |
| Các khoản tương đương tiền (i) & (ii) | 1.600.000.000 | 323.600.000.000 |
| | 60.507.857.390 | 400.379.158.514 |

(i) Bao gồm số tiền 123.051.393 VND tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và 1,6 tỷ VND tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 5.050.000.000 | (4.155.261.521) | 5.050.000.000 | (3.519.754.954) |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam | 50.000.000 | - | 50.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh | 5.000.000.000 | (4.155.261.521) | 5.000.000.000 | (3.519.754.954) |

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Các khoản đầu tư của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|------------------------|------------------------|
| a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 523.231.367.262 | 137.226.003.165 |
| <i>Ban quản lý dự án công trình DK I</i> | 444.123.134.999 | - |
| <i>JGCS Consortium</i> | - | 38.042.193.297 |
| <i>Văn phòng điều hành nhà thầu công trình Petronas Carigali Overseas SDN</i> | - | 30.635.280.740 |
| <i>Công ty TNHH Nhà máy sửa chữa và đóng tàu Sài Gòn</i> | 20.301.145.320 | 21.442.986.026 |
| <i>Phải thu các cá nhân mua căn hộ chung cư</i> | 8.771.921.725 | 10.439.918.374 |
| <i>Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro</i> | 1.622.128.637 | 3.820.804.769 |
| <i>Đối tượng khác</i> | 48.413.036.581 | 32.844.819.959 |
| b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Trình bày tại Thuyết minh số 35) | 113.918.751.191 | 293.203.894.678 |
| | 637.150.118.453 | 430.429.897.843 |

7. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 8.028.091.547 | 16.962.894.814 |
| Tạm ứng | 977.996.155 | 628.310.186 |
| Thuế giá trị gia tăng của tài sản thuê tài chính | 5.549.916.150 | 1.687.875.474 |
| Lãi tiền gửi dự thu | - | 122.564.260 |
| Thuế nhập khẩu chờ hoàn | - | 12.485.994.503 |
| Các khoản phải thu khác | 1.500.179.242 | 2.038.150.391 |
| b. Dài hạn | 4.680.548.200 | 5.415.219.200 |
| Ký cược, ký quỹ | 4.680.548.200 | 5.415.219.200 |
| | 12.708.639.747 | 22.378.114.014 |

8. NỢ XẤU

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------|------------------------|---------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu, tạm ứng khó có khả năng thu hồi | 29.123.455.112 | 14.902.272.413 | 6.429.292.688 | - |
| Công ty TNHH Nhà máy sửa chữa và đóng tàu Sài Gòn | 20.301.145.320 | 13.745.855.270 | - | - |
| Ban Quản lý dự án 5B - Cảng xuất Sản phẩm Nhà máy Lọc dầu Dung Quất | 3.658.243.771 | - | 3.658.243.771 | - |
| Các đối tượng khác | 5.164.066.021 | 1.156.417.143 | 2.771.048.917 | - |

9. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|----------------------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 21.372.230.351 | - | 38.813.797.571 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 3.927.319.554 | - | 4.722.453.878 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i) | 216.024.799.669 | 2.853.559.515 | 102.178.831.217 | - |
| Thành phẩm (ii) | 9.057.857.887 | - | 9.057.857.887 | - |
| Hàng hoá | 21.969.692 | - | 9.215.391 | - |
| Cộng | 250.404.177.153 | 2.853.559.515 | 154.782.155.944 | - |

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình chi tiết như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 | 87.661.616.083 | 53.537.312.107 |
| Công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 | 68.668.243.849 | - |
| Lắp đặt thiết bị cơ điện dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 (Lilama) | 52.458.993.447 | 14.784.109.151 |
| Công trình Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn | - | 11.201.589.001 |
| Các công trình, phần việc khác | 7.235.946.290 | 22.655.820.958 |
| Cộng | 216.024.799.669 | 102.178.831.217 |

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư thành phẩm phản ánh nguyên giá của các căn hộ chung cư chờ bán nằm trong Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá dựa trên giá trị thị trường của các sản phẩm căn hộ tương đương và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | <u>Số cuối năm VND</u> | <u>Số đầu năm VND</u> |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| a. Ngắn hạn | 1.461.830.338 | 6.345.322.533 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 1.461.830.338 | 6.345.322.533 |
| b. Dài hạn | 97.909.908.205 | 111.045.783.516 |
| Chi phí trả trước về thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 92.591.016.684 | 94.683.469.032 |
| Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng | 5.318.891.521 | 16.362.314.484 |
| | <u>99.371.738.543</u> | <u>117.391.106.049</u> |

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</u> | <u>Máy móc, thiết bị VND</u> | <u>Phương tiện vận tải VND</u> | <u>Thiết bị văn phòng VND</u> | <u>Tổng cộng VND</u> |
|-------------------------------|---|--------------------------------------|--|---------------------------------------|-------------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 718.310.132.046 | 191.782.460.964 | 113.363.029.074 | 11.200.305.818 | 1.034.655.927.902 |
| Phân loại lại | - | 68.822.504.873 | (68.822.504.873) | - | - |
| Thanh lý nhượng bán | - | (112.290.253.158) | - | - | (112.290.253.158) |
| Chuyển sang BĐS đầu tư | (1.271.732.705) | - | - | - | (1.271.732.705) |
| Giảm khác | (144.335.826) | - | - | - | (144.335.826) |
| Số dư cuối năm | <u>716.894.063.515</u> | <u>148.314.712.679</u> | <u>44.540.524.201</u> | <u>11.200.305.818</u> | <u>920.949.606.213</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 142.715.728.879 | 90.677.107.533 | 72.510.797.386 | 10.455.205.371 | 316.358.839.169 |
| Trích khấu hao trong năm | 36.573.312.117 | 14.202.621.406 | 6.870.546.169 | 696.437.531 | 58.342.917.223 |
| Phân loại lại | - | 44.651.721.047 | (44.651.721.047) | - | - |
| Thanh lý nhượng bán | - | (46.573.851.417) | - | - | (46.573.851.417) |
| Chuyển sang BĐS đầu tư | (228.609.723) | - | - | - | (228.609.723) |
| Số dư cuối năm | <u>179.060.431.273</u> | <u>102.957.598.569</u> | <u>34.729.622.508</u> | <u>11.151.642.902</u> | <u>327.899.295.252</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | <u>575.594.403.167</u> | <u>101.105.353.431</u> | <u>40.852.231.688</u> | <u>745.100.447</u> | <u>718.297.088.733</u> |
| Tại ngày cuối năm | <u>537.833.632.242</u> | <u>45.357.114.110</u> | <u>9.810.901.693</u> | <u>48.662.916</u> | <u>593.050.310.961</u> |

Như trình bày ở Thuyết minh số 19 và 21, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 39.939.375.248 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 46.175.516.912 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

| | Máy móc, thiết bị VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Số dư đầu năm | 38.094.379.765 | 38.094.379.765 |
| Thuê tài chính trong năm | 66.852.023.031 | 66.852.023.031 |
| Số dư cuối năm | 104.946.402.796 | 104.946.402.796 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Số dư đầu năm | 12.067.955.372 | 12.067.955.372 |
| Trích khấu hao trong năm | 9.600.790.540 | 9.600.790.540 |
| Số dư cuối năm | 21.668.745.912 | 21.668.745.912 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày đầu năm | 26.026.424.393 | 26.026.424.393 |
| Tại ngày cuối năm | 83.277.656.884 | 83.277.656.884 |

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | 16.244.034.715 | 11.316.676.162 | 27.560.710.877 |
| Mua sắm mới | - | 1.773.850.000 | 1.773.850.000 |
| Thanh lý | (1.077.564.715) | - | (1.077.564.715) |
| Số dư cuối năm | 15.166.470.000 | 13.090.526.162 | 28.256.996.162 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | 3.031.642.642 | 10.732.141.485 | 13.763.784.127 |
| Trích khấu hao trong năm | 416.311.278 | 732.355.511 | 1.148.666.789 |
| Thanh lý | (47.997.019) | - | (47.997.019) |
| Số dư cuối năm | 3.399.956.901 | 11.464.496.996 | 14.864.453.897 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu năm | 13.212.392.073 | 584.534.677 | 13.796.926.750 |
| Tại ngày cuối năm | 11.766.513.099 | 1.626.029.166 | 13.392.542.265 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.316.676.162 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.939.169.047 VND).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Số dư đầu năm | 9.554.038.689 | 9.554.038.689 |
| Tăng do chuyển từ tài sản cố định hữu hình | 1.271.732.705 | 1.271.732.705 |
| Số dư cuối năm | 10.825.771.394 | 10.825.771.394 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Số dư đầu năm | 1.583.092.791 | 1.583.092.791 |
| Trích khấu hao trong năm | 341.348.276 | 341.348.276 |
| Tăng do chuyển từ tài sản cố định hữu hình | 228.609.723 | 228.609.723 |
| Số dư cuối năm | 2.153.050.790 | 2.153.050.790 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày đầu năm | 7.970.945.898 | 7.970.945.898 |
| Tại ngày cuối năm | 8.672.720.604 | 8.672.720.604 |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| Chi tiêu | Số đầu năm VND | Số phải nộp/ thu trong năm VND | Số đã thực nộp/ thu trong năm VND | Số cuối năm VND |
|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|---|-----------------------|
| a. Các khoản phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 709.824.180 | 3.908.449.787 | 3.198.625.607 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 117.044.290 | - | 11.662.140.288 | 11.779.184.578 |
| Cộng | 117.044.290 | 709.824.180 | 15.570.590.075 | 14.977.810.185 |
| b. Các khoản phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 12.550.789.761 | 16.633.714.606 | 22.957.536.931 | 6.226.967.436 |
| Thuế nhập khẩu | - | 813.464.417 | 813.464.417 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 1.094.431.926 | 1.094.431.926 | - |
| Các loại thuế khác | 540.591.753 | 258.519.622 | 798.281.925 | 829.450 |
| Thuế môn bài | - | 8.000.000 | 8.000.000 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 509.270.818 | 97.329.033 | 606.599.851 | - |
| Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài | 31.320.935 | 141.503.066 | 172.824.001 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 11.687.523 | 10.858.073 | 829.450 |
| Cộng | 13.091.381.514 | 18.800.130.571 | 25.663.715.199 | 6.227.796.886 |

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ |
| | | VND | | VND |
| a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 310.042.919.600 | 310.042.919.600 | 160.007.035.666 | 160.007.035.666 |
| Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH một thành viên | 80.010.125.531 | 80.010.125.531 | 9.174.616.037 | 9.174.616.037 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam - ALPHA | 64.947.846.937 | 64.947.846.937 | - | - |
| Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn | 22.465.915.613 | 22.465.915.613 | - | - |
| Công ty TNHH Dong Yang Steel Pipe | 15.641.345.842 | 15.641.345.842 | - | - |
| Công ty TNHH MTV Kỹ thuật & Thương mại Phụng Luật | 10.455.478.319 | 10.455.478.319 | 21.630.768.542 | 21.630.768.542 |
| S.ONE Marine & offshore Ltd. | 9.420.103.669 | 9.420.103.669 | 14.563.762.394 | 14.563.762.394 |
| Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng Amecc | - | - | 14.556.145.723 | 14.556.145.723 |
| Các đối tượng khác | 107.102.103.689 | 107.102.103.689 | 100.081.742.970 | 100.081.742.970 |
| b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Trình bày tại Thuyết minh số 35) | 98.175.265.394 | 98.175.265.394 | 16.615.426.577 | 16.615.426.577 |
| | 408.218.184.994 | 408.218.184.994 | 176.622.462.243 | 176.622.462.243 |

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện (i) | 22.934.639.210 | 48.513.236.941 |
| Trích trước chi phí lãi vay phải trả | 510.275.308 | 137.889.918 |
| | 23.444.914.518 | 48.651.126.859 |

(i) Công ty ghi nhận chi phí phải trả của các công trình xây lắp tương ứng khối lượng công việc hoàn thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các nhà thầu trên cơ sở hợp đồng hoặc dự toán thi công công trình.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Cổ tức phải trả | 36.203.277 | 28.710.077 |
| Kinh phí công đoàn | 1.371.626.898 | 637.806.608 |
| Bảo hiểm y tế | 53.470.475 | 53.470.475 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 13.708.830 | 13.708.830 |
| Phải trả khác | 3.376.032.090 | 3.642.573.373 |
| | 4.851.041.570 | 4.376.269.363 |
| b. Dài hạn | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 424.101.867 | 399.461.867 |
| | 424.101.867 | 399.461.867 |

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| Chi tiêu | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---|------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | 76.992.545.613 | 76.992.545.613 | 433.885.921.130 | 293.907.144.830 | 216.971.321.913 | 216.971.321.913 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (i) | 74.941.462.886 | 74.941.462.886 | 433.885.921.130 | 291.856.062.103 | 216.971.321.913 | 216.971.321.913 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu | 2.051.082.727 | 2.051.082.727 | - | 2.051.082.727 | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21) | 109.247.608.576 | 109.247.608.576 | 119.112.400.976 | 60.230.630.776 | 168.129.378.776 | 168.129.378.776 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21) | 8.007.639.176 | 8.007.639.176 | 30.217.925.382 | 12.794.503.204 | 25.431.061.354 | 25.431.061.354 |
| Cộng | 194.247.793.365 | 194.247.793.365 | 583.216.247.488 | 366.932.278.810 | 410.531.762.043 | 410.531.762.043 |

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện:

(i) Tại ngày 10 tháng 7 năm 2017, Công ty được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu đồng ý cấp hạn mức tín dụng không vượt quá 300 tỷ VND (hoặc USD tương đương) theo Hợp đồng tín dụng số 1701016/2017-HĐCVHM/NHCT880-PVCMS. Hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 16101012/2016-HĐTDHM/NHCT880-PXS ngày 01 tháng 8 năm 2016. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh (không bao gồm kinh doanh bất động sản). Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 05 tháng 7 năm 2018. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 5%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng hoặc 6,3%/năm đối với kỳ hạn 9 tháng và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng, được điều chỉnh một tháng một lần và trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 9234/2014-HĐTCQTS/NHCT880-PXS ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung gồm quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền được chia và sử dụng, khai thác/sở hữu sản phẩm được phân chia và các quyền tài sản khác của Công ty phát sinh từ các hợp đồng mà Công ty ký với các tổ chức/cá nhân khác và Hợp đồng thế chấp tài sản số 880/GHTD/16101006-PVCMS ngày 01 tháng 4 năm 2016.

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

| | Dự phòng bảo hành sản phẩm VND | Dự phòng bảo trì sản phẩm (i) VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------------------|---|--|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 37.248.554.918 | 2.830.528.588 | 40.079.083.506 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 19.888.630.391 | - | 19.888.630.391 |
| Hoàn nhập dự phòng | (15.990.217.936) | - | (15.990.217.936) |
| Số dư cuối năm | 41.146.967.373 | 2.830.528.588 | 43.977.495.961 |
| | | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Chi tiết: | | | |
| - Dự phòng ngắn hạn | | 21.258.336.982 | 15.990.217.936 |
| - Dự phòng dài hạn | | 22.719.158.979 | 24.088.865.570 |
| | | 43.977.495.961 | 40.079.083.506 |

(i) Dự phòng bảo trì sản phẩm là các khoản chi phí ước tính cho việc sửa chữa các căn hộ đã bán tại Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

100
CỔ
ÁCH
ĐE
VIỆ
V.G.B

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---|------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ |
| | | VND | | | | VND |
| Vay dài hạn | 250.565.038.387 | 250.565.038.387 | - | 60.230.630.776 | 190.334.407.611 | 190.334.407.611 |
| <i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (i)</i> | 206.000.000.000 | 206.000.000.000 | - | 49.000.000.000 | 157.000.000.000 | 157.000.000.000 |
| <i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)</i> | 15.484.616.440 | 15.484.616.440 | - | 5.152.934.220 | 10.331.682.220 | 10.331.682.220 |
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)</i> | 29.080.421.947 | 29.080.421.947 | - | 6.077.696.556 | 23.002.725.391 | 23.002.725.391 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 19.007.804.311 | 19.007.804.311 | 73.537.225.334 | 31.178.809.538 | 61.366.220.107 | 61.366.220.107 |
| <i>Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (iv)</i> | 13.609.986.804 | 13.609.986.804 | - | 4.711.065.289 | 8.898.921.515 | 8.898.921.515 |
| <i>Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (v)</i> | 5.397.817.507 | 5.397.817.507 | 73.537.225.334 | 26.467.744.249 | 52.467.298.592 | 52.467.298.592 |
| Cộng | 269.572.842.698 | 269.572.842.698 | 73.537.225.334 | 91.409.440.314 | 251.700.627.718 | 251.700.627.718 |
| Trong đó: | | | | | | |
| <i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i> | 117.255.247.752 | | | | 193.560.440.130 | |
| <i>Số phải trả sau 12 tháng</i> | 152.317.594.946 | | | | 58.140.187.588 | |

Vay dài hạn:

(i) Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 231/HĐTD-LPBĐĐ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt với hạn mức vay 480 tỷ VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 72 tháng và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Khoản vay được sử dụng để tái tài trợ dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình - giai đoạn 2.

- (ii) Ngày 26 tháng 9 năm 2013, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 489.13.551.936443.TD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (MB Vũng Tàu), với hạn mức 31.423.000.000 VND, thời hạn vay trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các chi phí mua sắm máy móc thiết bị thực hiện dự án "Nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2013" và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân theo quy định của MB Vũng Tàu và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân của khoản vay. Công ty sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ phương án MB Vũng Tàu tài trợ hoặc các tài sản khác theo quy định của MB Vũng Tàu để thế chấp cho khoản vay này. Ngày 31 tháng 5 năm 2016, Công ty tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 6719.16.551.936443.TD với MB Vũng Tàu, với số tiền vay 14.056.959.869 VND, thời hạn vay trong vòng 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khoản vay được sử dụng để thanh toán chi phí mua sắm máy móc thiết bị đã qua sử dụng theo Hợp đồng số 86/2016/HĐCN/PVCMS-FVS ngày 11 tháng 4 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương Tiện Nổi F.V.S. Khoản này chịu lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ giữa 2 bên. Công ty sử dụng các tài sản để bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng này theo Hợp đồng bảo đảm số 6720.16.551.936443.BĐ ngày 31 tháng 5 năm 2016 (bao gồm: Máy lốc tôn 4 trục Davi MCB 3080, hệ thống thiết bị hàn và các phụ kiện cho hệ thống hàn, xe nâng tổng đoạn DCY 150).
- (iii) Khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Vũng Tàu gồm 3 hợp đồng tín dụng sau: a) Hợp đồng tín dụng số 9880/2015-HĐTDDA/NHCT880-PXS ngày 21 tháng 01 năm 2016, với hạn mức 21.248.000.000 VND, thời hạn vay trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thuộc dự án Nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 của PVC-MS; b) Hợp đồng tín dụng số 9749/2016-HĐTDDA/NHCT880-PXS ngày 01 tháng 4 năm 2016 với hạn mức 166.698.000.000 VND, thời hạn vay trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ của dự án Đầu tư bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai Bến Đình Giai đoạn II - phân kỳ 3; và c) Hợp đồng tín dụng số 16101025/2016-HĐTDDA/NHCT880-PVC MS ngày 28 tháng 10 năm 2016, thời hạn vay trong vòng 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua lại tài sản của Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S tại bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí theo Hợp đồng số 246/09/2016/HĐCN/PVCMS-FVS ngày 23 tháng 9 năm 2016. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm cho 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, và bằng lãi suất huy động VND 12 tháng trả lãi sau niên yết của Vietinbank + biên độ 2,5% kể từ tháng thứ 13 trở đi theo quy định của Vietinbank và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân của khoản vay. Công ty sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ phương án Vietinbank tài trợ hoặc các tài sản khác theo quy định của Vietinbank để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 168.129.378.776 | 109.247.608.576 |
| Trong năm thứ hai | 14.552.605.675 | 119.112.400.976 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 7.652.423.160 | 20.674.544.214 |
| Sau năm năm | - | 1.530.484.621 |
| | 190.334.407.611 | 250.565.038.387 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) | 168.129.378.776 | 109.247.608.576 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 22.205.028.835 | 141.317.429.811 |

Nợ thuê tài chính dài hạn:

- (iv) Khoản nợ thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Công ty trả trước cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam số tiền tương đương 15-20% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 6-10% giá trị tài sản thuê tùy từng hợp đồng thuê cụ thể. Số tiền cho thuê bằng giá trị tài sản theo hợp đồng thuê trừ (-) giá trị trả trước cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,5%-1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) tùy từng hợp đồng cụ thể là 8,57%/năm - 17,05%/năm. Sau đó, tùy theo từng hợp đồng cụ thể, lãi suất cho thuê tính bằng 1,2%/năm - 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng hoặc 13 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch. Thời hạn cho thuê từ 36 tháng đến 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (v) Thuê tài chính dài hạn Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện qua 2 khoản nợ thuê tài chính sau:
- Khoản nợ thuê dài hạn 02 máy thủy lực, 48 máy hàn và 02 bộ tủ sấy que hàn. Công ty trả trước cho Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số tiền tương đương 20% - 20,5% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 2% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 79,5% - 80% giá trị tài sản thuê cộng (+) các khoản phí khác. Giá trị mua lại tương đương 0,15% giá trị tài sản của Hợp đồng số 63.14.15/CTTC và Hợp đồng 63.14.12/CTTC là 500.000 VND/bộ tài sản. Lãi suất thuê 6 tháng đầu được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản bằng VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thuê cộng (+) biên độ 2,2%/năm. Sau đó, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Tại các thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản bằng VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh công bố tại điểm thuê cộng (+) biên độ 2,4%/năm. Thời gian cho thuê là 48 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.
 - Khoản nợ thuê dài hạn phương tiện vận tải của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty trả trước cho Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số tiền tương đương 25% giá trị tài sản thuê và ký quỹ số tiền 1.725.337.000 VND. Số tiền cho thuê tương đương 75% giá trị tài sản thuê. Giá trị mua lại tương đương là 10.000.000 VND/một tài sản. Lãi suất thuê 1 năm đầu là lãi suất cố định 8,5%/năm, sau đó lãi suất cho thuê được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần và tại các thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm. Thời gian cho thuê là 36 tháng với Hợp đồng số 55.17.05/CTTC và 30 tháng với Hợp đồng số 55.17.06/CTTC kể từ ngày ký Hợp đồng.

Các khoản nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu | | Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu | |
|---|--|-----------------------|--|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | VND | VND | VND | VND |
| Các khoản phải trả do thuê tài chính | 61.876.290.622 | 20.033.048.899 | 61.366.220.107 | 19.007.804.311 |
| Trong vòng một năm | 25.761.098.712 | 8.445.559.784 | 25.431.061.354 | 8.007.639.176 |
| Từ một đến hai năm | 22.324.608.602 | 6.553.447.292 | 22.199.922.527 | 6.280.119.880 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 13.790.583.308 | 5.034.041.823 | 13.735.236.226 | 4.720.045.255 |
| Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai | 510.070.515 | 1.025.244.588 | - | - |
| Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả | 61.366.220.107 | 19.007.804.311 | 61.366.220.107 | 19.007.804.311 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) | 25.761.098.712 | 8.445.559.784 | 25.431.061.354 | 8.007.639.176 |
| Số phải trả sau 12 tháng | | | 35.935.158.753 | 11.000.165.135 |

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Cổ phiếu quỹ | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 600.000.000.000 | 62.393.333.061 | (20.000) | 13.251.400.000 | 86.741.593.301 | 762.386.306.362 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 88.024.549.839 | 88.024.549.839 |
| Trích lập các quỹ | - | 21.943.351.785 | - | - | (21.943.351.785) | - |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (18.000.000.000) | (18.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng BDH | - | - | - | - | (8.777.340.714) | (8.777.340.714) |
| Số dư đầu năm nay | 600.000.000.000 | 84.336.684.846 | (20.000) | 13.251.400.000 | 126.045.450.641 | 823.633.515.487 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 943.815.443 | 943.815.443 |
| Trích lập các quỹ (i) | - | 7.922.209.486 | - | - | (7.922.209.486) | - |
| Chia cổ tức (i) | - | - | - | - | (78.000.000.000) | (78.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng BDH (i) | - | - | - | - | (1.760.490.996) | (1.760.490.996) |
| Số dư cuối năm nay | 600.000.000.000 | 92.258.894.332 | (20.000) | 13.251.400.000 | 39.306.565.602 | 744.816.839.934 |

(i) Theo Nghị quyết số 87/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 7.922.209.486 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành Công ty: 1.760.490.996 VND;
- Chia cổ tức: 78.000.000.000 VND.

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| +) Cổ phiếu phổ thông | 60.000.000 | 60.000.000 |
| +) Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | | |
| +) Cổ phiếu phổ thông | 2 | 2 |
| +) Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| +) Cổ phiếu phổ thông | 59.999.998 | 59.999.998 |
| +) Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 3 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| | <u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u> | | <u>Vốn đã góp</u> | |
|---|--|------------|------------------------|------------------------|
| | | | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| | <u>VND</u> | <u>%</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 305.845.330.000 | 51 | 305.845.330.000 | 305.845.330.000 |
| Công ty TNHH Mepcom Offshore & Marine | 60.000.000.000 | 10 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 234.154.670.000 | 39 | 234.154.670.000 | 234.154.670.000 |
| | 600.000.000.000 | 100 | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 |

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <u>Đơn vị tính</u> | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại | | | |
| - Đô la Mỹ | USD | 254.197,84 | 14.680,55 |
| Nợ khó đòi đã xử lý | VND | 1.395.788.768 | 1.395.788.768 |

24. DOANH THU

| | <u>Năm nay</u> <u>VND</u> | <u>Năm trước</u> <u>VND</u> |
|---|------------------------------|--------------------------------|
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng | 797.259.866.981 | 1.519.035.964.413 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 38.605.401.598 | 29.322.230.362 |
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 835.865.268.579 | 1.548.358.194.775 |
| Trong đó doanh thu với các bên liên quan (Trình bày tại Thuyết minh số 35) | 82.755.288.226 | 623.689.317.980 |

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | <u>Năm nay</u> <u>VND</u> | <u>Năm trước</u> <u>VND</u> |
|--|------------------------------|--------------------------------|
| Giá vốn hợp đồng xây dựng | 721.894.202.558 | 1.309.671.656.869 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 34.254.686.942 | 22.507.507.639 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (284.186.793) |
| | 756.148.889.500 | 1.331.894.977.715 |

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | <u>Năm nay</u> <u>VND</u> | <u>Năm trước</u> <u>VND</u> |
|---|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 112.231.437.756 | 412.114.254.237 |
| Chi phí nhân công | 316.464.577.840 | 405.309.544.091 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 69.272.362.034 | 69.190.379.847 |
| Chi phí bảo hành | 19.888.630.391 | 4.000.332.955 |
| Chi phí dự phòng | 10.645.449.526 | (4.875.111.385) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 392.969.985.144 | 417.871.032.904 |
| Chi phí khác bằng tiền | 15.097.065.619 | 27.247.742.688 |
| | 936.569.508.310 | 1.330.858.175.337 |

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Lãi tiền gửi | 5.573.212.715 | 1.875.601.739 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 56.674.149 | 502.896.051 |
| | 5.629.886.864 | 2.378.497.790 |

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 32.782.703.036 | 35.880.451.008 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 135.115.403 | 1.059.541.075 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 635.506.567 | 410.851.204 |
| | 33.553.325.006 | 37.350.843.287 |

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 35.706.131.051 | 43.159.317.411 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.072.421.213 | 7.463.857.996 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.816.839.913 | 4.521.574.241 |
| Chi phí dự phòng | 7.791.890.011 | (4.875.111.385) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.728.748.517 | 4.569.365.865 |
| Chi phí bằng tiền khác | 10.458.619.653 | 16.314.384.508 |
| | 66.574.650.358 | 71.153.388.636 |

30. THU NHẬP KHÁC

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|------------------------------|--------------------------------|
| Lãi từ thanh lý vật tư, tài sản cố định | 27.209.576 | 2.715.442.392 |
| - Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản | 66.798.629.013 | 2.746.588.514 |
| - Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, vật tư | 66.771.419.437 | 31.146.122 |
| Hoàn nhập chi phí bảo hành | 15.990.217.936 | - |
| Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng | - | 98.327.700 |
| Thu nhập khác | 2.173.485.193 | 594.936.166 |
| | 18.190.912.705 | 3.408.706.258 |

31. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Các khoản bị phạt | 1.159.733.546 | 596.787.285 |
| Chi phí khác | 211.222.369 | 2.609.732.489 |
| | 1.370.955.915 | 3.206.519.774 |

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------------|--------------------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 955.506.264 | 22.357.352.721 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 138.925.662 | 157.766.851 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.094.431.926 | 22.515.119.572 |

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|------------------------------|--------------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 2.038.247.369 | 110.539.669.411 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế: | 2.739.283.952 | 1.247.094.193 |
| <i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i> | <i>1.715.413.671</i> | <i>1.123.945.322</i> |
| <i>Cộng: Lãi từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản thuê tài chính được ghi nhận trên doanh thu chưa thực hiện</i> | <i>1.052.901.064</i> | - |
| <i>Cộng: (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đối với tiền gửi ngân hàng và phải thu</i> | <i>(29.030.783)</i> | <i>123.148.871</i> |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 4.777.531.321 | 111.786.763.604 |
| - Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường | 4.762.094.472 | 111.786.763.604 |
| - Lãi từ chuyển nhượng BĐS chịu thuế suất 20% | 15.436.849 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 955.506.264 | 22.357.352.721 |

0011
CÔNG
CH NH
JEL
VIỆ
V.G Đ

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước (Trình bày lại)</u> |
|---|--------------------|--------------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | 943.815.443 | 88.024.549.839 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | (18.876.309) | (1.760.490.996) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 924.939.134 | 86.264.058.843 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 59.999.998 | 59.999.998 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 15 | 1.438 |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc chia lợi nhuận sau thuế 2016 theo Nghị quyết số 87/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017, cụ thể như sau:

| | <u>Năm trước (Trình bày lại)</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|--------------------------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | 88.024.549.839 | 88.024.549.839 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | (1.760.490.996) | (7.041.963.987) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 86.264.058.843 | 80.982.585.852 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 59.999.998 | 59.999.998 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 1.438 | 1.350 |

34. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động xây lắp. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 24 và số 25.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Cổ đông lớn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)

Các đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn

Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí

Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu Khí

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu của PVC)

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Dầu Việt Nam

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

Các đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PVD

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ dầu khí biển - Petrosetco

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí PVD

Các đơn vị trong Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (cùng chủ sở hữu với PVC)

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Các đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP (cùng chủ sở hữu với PVC)

Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Các đơn vị trong Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ của PVC)

Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|---|---------------------------|--------------------------|
| Phải thu khách hàng | 113.918.751.191 | 293.203.894.678 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 99.180.174.920 | 211.918.735.906 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC | 11.246.900.377 | 72.307.163.148 |
| Công Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard) | 1.493.058.523 | 500.827.435 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC | 805.075.645 | 1.779.157.600 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam | 440.468.222 | 6.073.580.500 |
| Các bên liên quan khác | 753.073.504 | 624.430.089 |
| Phải trả người bán | 98.175.265.394 | 16.615.426.577 |
| Công ty cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí | 21.992.941.148 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí | 18.537.733.768 | 9.257.829.515 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC | 12.990.318.131 | - |
| Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam | 9.756.639.584 | - |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ dầu khí biển - Petrosetco | 9.527.574.970 | - |
| Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam | 6.063.147.898 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) | 5.724.950.840 | - |
| Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí | 2.774.571.394 | 1.649.421.768 |
| Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 225.554.483 | 1.018.693.418 |
| Các bên liên quan khác | 10.581.833.178 | 4.689.481.876 |
| Người mua trả tiền trước | 37.906.083.942 | 61.364.221.017 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 37.906.083.942 | 46.468.205.400 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | - | 14.896.015.617 |
| Trả trước cho người bán | 1.265.323.499 | 2.716.901.589 |
| Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu Khí | 911.426.818 | 2.363.004.908 |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An | 353.896.681 | 353.896.681 |
| Cổ tức phải trả cho các cổ đông | 36.203.277 | 28.710.077 |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
|--|------------------------|-------------------------|
| Bán hàng | 82.755.288.226 | 623.689.317.980 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 60.910.551.649 | - |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 15.454.755.867 | 140.407.471.940 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC | 1.462.856.212 | 468.784.410.266 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí | 902.357.114 | 1.601.370.370 |
| Các bên liên quan khác | 4.024.767.384 | 12.896.065.404 |
| Mua hàng | 216.845.860.422 | 112.918.569.748 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC | 78.729.200.797 | - |
| Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí | 29.252.837.743 | - |
| Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam | 21.691.544.243 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) | 18.160.226.528 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí | 17.014.207.207 | 39.745.424.580 |
| Công ty TNHH MTV TM và DV Dầu khí biển Petrosetco | 15.083.244.798 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình | 4.804.636.802 | 7.125.045.724 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa | 4.666.510.947 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 4.111.706.231 | 7.721.739.773 |
| Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí | 3.377.168.005 | 3.950.561.835 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí PVD | 380.594.376 | 28.927.462.453 |
| Các bên liên quan khác | 19.573.982.745 | 25.448.335.383 |
| Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 4.247.907.208 | 6.102.849.711 |
| Cổ tức đã trả cho các cổ đông | 77.992.506.800 | 17.702.159.220 |

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản tiền gửi thanh toán số tiền 123.051.393 VND và khoản tương đương tiền với số tiền 1.600.000.000 VNĐ là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu. Theo Công văn số 223/2016/CV-GDCNVT ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 236/XNC-TCKT ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Công ty, Oceanbank tạm dừng việc chi trả cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

37. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.



Đào Thị Hải Vân
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tú
Phó phòng, phụ trách Phòng
Tài chính - Kế toán



Phạm Tân Thành
Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018



PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

| Stt | Điều lệ PVC-MS | Nội dung hiện hành | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Ý kiến giải trình |
|---|---|--|--|--|
| I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | | | | |
| 1 | Điều 1. Định nghĩa | <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này</p> <p>d. “Cán bộ quản lý” là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn</p> <p>e. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được áp dụng theo quy định của Luật hiện hành.</p> | <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>d. Ngày thành lập...</p> <p>e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> | <p>Sửa theo Điều 1 Điều lệ mẫu TT 95/2017/ TT- BTC Điểm a</p> <p>Chèn thêm Điểm c</p> <p>Sửa Điểm d</p> <p>Sửa Điểm e</p> <p>Thêm điểm h</p> |
| II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | | | | |
| 2 | Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty | 4. Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật | 4. Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Doanh nghiệp. | Sửa theo Điều 3 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

| | | | | |
|---|--|---|---|--|
| 3 | Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty | 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty | 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này , phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. | Sửa theo Điều 5 Điều lệ mẫu TT 95/2017/ TT-BTC |
|---|--|---|---|--|

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

| | | | | |
|---|--|--|---|--|
| 4 | Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần | 1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm giao dịch Chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán. | 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. | Sửa theo Điều 9 Điều lệ mẫu TT 95/2017/ TT-BTC |
|---|--|--|---|--|

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

| | | | | |
|----|--|--|--|---|
| 6. | <p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> | <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền như sau:</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra và mục đích kiểm tra.</p> | <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p> | <p>Sửa theo Điều 12 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
|----|--|--|--|---|

| | | | | |
|----|---|---|---|---|
| 7. | <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo 06 (sáu) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ Công ty;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh</p> | <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160</p> | <p>Sửa theo điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
|----|---|---|---|---|

| | | | | |
|----|--|---|--|---|
| | | <p>nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.</p> | <p>Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;</p> | |
| 8. | Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông | <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> | <p>1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>Bỏ điểm n này.</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> | <p>Sửa theo Khoản 3 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |

| | | | | |
|-----|--|---|--|--|
| | | b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch Chứng khoán. | b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật. | |
| 9 | Điều 16. Thay đổi các quyền | 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại. | 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại. | Sửa theo Điều 17 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
| 10. | Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội | 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền | 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; | Sửa theo Điều 18 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>dự họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;</p> | <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên</p> | |
|--|--|--|--|--|

| | | | | |
|-----|--|---|---|--|
| | | | tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; | |
| 11. | Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> | <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> | Sửa theo Điều 19 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|-----|---|--|---|---|
| 12. | <p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>1. Trước ít nhất 05 ngày bắt đầu tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Số thành viên Ban kiểm phiếu do Đại hội quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn so với thời điểm khai mạc Đại hội có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> | <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> | <p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
|-----|---|--|---|---|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p> <p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp đại diện cho tỷ lệ phần trăm cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết hoặc khi xảy ra tình trạng các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.</p> | <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> | |
|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>8. Chủ tọa đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.</p> <p>10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>.....</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả</p> | <p>Bổ quy định này</p> <p>8. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>.....</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu</p> | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|-----|---|--|--|--|
| | | <p>các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> | <p>trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> | |
| 13. | Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông | <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này và khoản 2 Điều 137 Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;</p> | <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này và Khoản 1, Khoản 2 Điều 137 Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này;</p> | Sửa theo Điều 22 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
| 14. | Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản</p> | <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng</p> | Sửa theo Điều 23 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | <p>cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử</p> | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|-----|--|---|---|--|
| | | | <p>của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | |
| 15. | Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | <p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung</p> | <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật</p> | Sửa theo Điều 24 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|-------------------------------|---|--|--|---|
| | | ngợi quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. | hoặc Điều lệ này. | |
| VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | | |
| 16. | <u>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u> | | <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông | Bổ sung Điều 24 theo Điều 25 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC và sửa đổi cho phù hợp |

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | | <p>đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ngoại trừ các quy định tại Khoản 2 Điều này, Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | | |
|-----|---|---|--|---|
| 17. | Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị | <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: ...</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p> | <p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p> | <p>Khoản 2,3,4 được đưa lên Điều 24</p> <p>Sửa theo Điều 26 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC, bổ sung 02 điểm f và g</p> |
| 18. | Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị | <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Điều 25. Quyền hạn và <u>nghĩa vụ</u> của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Sửa theo Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
| 19. | Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị | <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc điều hành Công ty.</p> | <p>Sửa đổi cho phù hợp theo Điều 29 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
| 20. | <u>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của</u> | <p>7. Thành viên...</p> | <p>1. Thành viên...</p> | <p>Chèn thêm Điều 28, mục 7 đến mục 10 của</p> |

| | | | | |
|-----|---|---|---|--|
| | <u>thành viên Hội đồng quản trị</u> | <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>9. Thành viên...</p> <p>10. Thành viên...</p> | <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên...</p> <p>4. Thành viên...</p> | <p>Điều 26 trong Điều lệ Công ty đưa xuống và thành mục 1 đến mục 4 Điều 28 này.</p> <p>Sửa theo Điều 28 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
| 21. | Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế | <p>1. Thành viên...</p> <p>2. Thành viên...</p> <p>3. Thành viên...</p> <p>4. Việc chỉ định...</p> <p>5. Ngoài những quy định...</p> | Bổ quy định này | <p>Điều lệ mẫu và Luật Doanh nghiệp không quy định nội dung này.</p> |
| 22. | Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị | <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập.</p> | Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị | <p>Sửa theo Điều 30 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
| | | <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành</p> | | |

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Giám đốc hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ban kiểm soát.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo</p> | <p>viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội</p> | <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [năm (05)] ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt</p> | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trong trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tham gia trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên</p> | <p>trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành</p> | |
|--|--|--|--|--|

quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ cuộc họp và phán quyết của Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ toạ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố **đầy đủ**;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó **có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc** ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. **Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty,** thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

| | | | | |
|--|--|---|---|--|
| | | <p>11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc</p> | <p>11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> | |
|--|--|---|---|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | <p>họp hiện diện.</p> <p>...</p> <p>13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p> <p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc</p> | <p>...</p> <p>Chèn thêm Điểm 13</p> <p>13. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Thư ký Công ty có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực</p> | |
|--|--|--|---|--|

| | | | | |
|--|--|---|--|---|
| | | <p>đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p> <p>Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không thể sử dụng được tiếng Việt, thì nội dung biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được dịch sang tiếng Anh và thành viên đó phải ký tên trên cả biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt</p> <p>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên</p> | <p>về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>Tách thành Điều 30</p> <p>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ</p> | <p>Sửa theo Điều 30 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
|--|--|---|--|---|

| | | | | |
|-----|---|---|---|--|
| | | <p>họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiêu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p> | <p>có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p> | |
| 23. | <u>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</u> | | <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các</p> | Bổ sung Điều 31. theo Điều 32 Điều lệ mẫu TT 95/2017/ TT-BTC |

| | | | | |
|---|--|---|--|--|
| | | | <p>quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> | |
| VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY | | | | |
| 24. | Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý | Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc điều hành, một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều | Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Giám đốc điều hành, các Phó giám đốc, | Sửa theo Điều 33 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|-----|--|---|--|--|
| | | hành và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức. | Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị. | |
| 25. | Điều 30. Cán bộ quản lý | <p>1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.</p> | <p>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.</p> | Sửa theo Điều 34 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
| 26. | Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành | <p>1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp,</p> | <p>Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám</p> | Sửa theo Điều 35 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|--|--|--|--|-------------------------|
| | | <p>quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ. Theo điều 26 của Điều lệ này, Giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p> <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của Hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> | <p>đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> | <p>Chèn thêm điểm c</p> |
|--|--|--|--|-------------------------|

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (Bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.

| | | | | |
|--|--|--|--|-----------------------|
| | | <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.</p> | | |
| IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | | | | |
| 27. | Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý | Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự. | Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. | |
| 28. | Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | | Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. | Chèn thêm khoản 1 này |

| | | | | |
|--|--|--|---|---|
| | | <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng...</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo ...</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì</p> | <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng...</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo...</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> | <p>Sửa theo Điều 40 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
|--|--|--|---|---|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nêu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng/giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan, hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông</p> | <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng</p> | |
|--|---|--|--|

| | | | | |
|-----|--|--|---|--|
| | | qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. | quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. | |
| 29. | Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường | <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý,</p> | <p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều</p> | Sửa theo Điều 41 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.</p> <p>Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p> | <p>kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p> | |
|--|--|---|--|--|

X. BAN KIỂM SOÁT

| | | | | |
|-----|--|--|---|--|
| 30. | | | <p>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;b. Trình độ học vấn;c. Trình độ chuyên môn;d. Quá trình công tác;e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác;f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);i. Các thông tin khác (nếu có). | Chèn thêm Điều 37 theo Điều 36 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
|-----|--|--|---|--|

| | | | | |
|-----|--|---|---|---|
| | | | <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc bổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> | |
| 31. | Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát | <p>1. Ban kiểm soát Công ty có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các kiểm soát viên bầu một thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải</p> | <p>Điều 38. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là từ ba (03) đến (05) năm người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty</p> | <p>Điểm 2 Điều 36 Điều lệ cũ được chuyển lên Điều 37 Điều lệ mới trên</p> <p>Sửa theo Điều 37 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty (trừ bộ phận kế toán, tài chính của Công ty). Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện cơ bản sau:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người quản lý khác;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;</p> <p>d. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>4...</p> <p>5...</p> <p>6...</p> | <p>kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4...</p> <p>5...</p> <p>6...</p> | |
|--|--|--|--|--|

| | | | | |
|-----|--------------------------------------|--|---|---|
| 32. | <p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> | <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông có quyền như quy định của điều lệ này. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị cách khắc phục các sai phạm;</p> <p>e. Thường xuyên báo cáo kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết</p> | <p>Điều 39. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc</p> | <p>Sửa theo Điều 38 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC</p> |
|-----|--------------------------------------|--|---|---|

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <p>luận và kiến nghị trình lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ sổ sách kế toán và báo cáo tài chính về những sự kiện tài chính bất thường, những khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Giám đốc theo ý kiến độc lập của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của kiểm soát viên;</p> <p>g. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào sổ biên bản phiên họp, trực tiếp báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất;</p> <p>h. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>i. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;</p> <p>j. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>k. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>l. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan</p> | <p>và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty/ Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p> | |
|--|--|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>3. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty</p> <p>4. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ những trường hợp mà pháp luật quy định khác.</p> | | |
|--|--|--|--|--|

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

| | | | | |
|-----|---|--|--|--|
| 33. | Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ | <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm</p> | Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ</p> | Sửa theo Điều 42 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
|-----|---|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | <p>kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty.</p> | <p>đồng và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> | |
|--|--|--|--|

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

| | | | | |
|-----|---|---|---|--|
| 34. | Điều 39. Công nhân viên và công đoàn | <p>1. Tổ chức chính trị. Tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động...</p> <p>2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại Khoản 1 điều này.</p> <p>3. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p> | <p>Điều 41. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>Bổ quy định này</p> <p>Bổ quy định này</p> <p>1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp, cũng như các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p> | Sửa theo Điều 43 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
|-----|---|---|---|--|

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

| | | | | |
|-----|----------------------------------|--|--|--|
| 35. | Điều 45. Hệ thống kế toán | <p>1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đầy đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch</p> | <p>Điều 47. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> | Sửa theo Điều 47 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
|-----|----------------------------------|--|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p> | <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p> | |
|--|--|--|--|--|

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

| | | | | |
|-----|------------------------|--|--|-------------------------|
| 36. | Điều 40. Cổ tức | <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị...</p> <p>7. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p> | <p>Điều 48. Cổ tức</p> <p>Bổ quy định này.</p> <p>6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> | Điều lệ mẫu ko quy định |
|-----|------------------------|--|--|-------------------------|

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

| | | | | |
|-----|---|--|---|--|
| 37. | Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý | <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</p> | <p>Điều 50. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh</p> | Sửa theo Điều 48 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
|-----|---|--|---|--|

| | | | | |
|--|--|---|---|--|
| | | <p>phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và <u>bản cân đối kế toán</u> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. <u>Ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</u></p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Khi Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website riêng của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> | <p>một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> | |
|--|--|---|---|--|

| | | | | |
|-----|--|---|--|--|
| 38. | Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng | Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. | Điều 51. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. | Bỏ Điều 47 này và sửa thành Điều 51 theo Điều 49 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
|-----|--|---|--|--|

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

| | | | | |
|----|---------------------------|---|---|--|
| 39 | Điều 48. Kiểm toán | <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p> | <p>Điều 52. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> | Sửa theo Điều 50 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
|----|---------------------------|---|---|--|

XVII. CON DẤU

| | | | | |
|--|------------------------------------|---|--|--|
| 40. | Điều 49. Con dấu | 1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp | Điều 53. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty. | Sửa theo Điều 51 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
| XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ | | | | |
| 41. | Điều 50. Chấm dứt hoạt động | 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện, quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. | Điều 54. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. | Sửa theo Điều 52 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |
| 42. | | | Điều 55. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. | Bổ sung theo Điều 53 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|-----|--|--|---|----------------------------|
| | | | 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua. | |
| 43. | Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông | | Bổ quy định này | Điều lệ mẫu không quy định |

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA
CÔNG TY CP KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-KCKL-HĐQT ngày / /2018)

Vũng Tàu, năm 2018

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG | 4 |
| Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:..... | 4 |
| Điều 2. Giải thích thuật ngữ: | 4 |
| CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN, BẤT THƯỜNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ | 5 |
| Điều 3. Trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: | 5 |
| Điều 4. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông: | 11 |
| CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT | 13 |
| Điều 5. Thành phần HĐQT: | 13 |
| Điều 6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:..... | 13 |
| Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT: | 14 |
| Điều 8. Cách thức bầu thành viên HĐQT:..... | 15 |
| Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:..... | 15 |
| Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: | 15 |
| Điều 11. Cách thức ứng cử/ đề cử/ giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT: | 16 |
| CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT | 16 |
| Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT: | 16 |
| CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN | 19 |
| Điều 13. Kiểm soát viên: | 19 |
| Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:..... | 19 |
| Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên: | 19 |
| Điều 16. Cách thức bầu Kiểm soát viên: | 20 |
| Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên: | 20 |
| Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:..... | 20 |
| CHƯƠNG VI: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT | 20 |
| Điều 19. Các tiểu ban thuộc HĐQT:..... | 20 |
| Điều 20. Cơ cấu của các tiểu ban: | 21 |
| Điều 21. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban:..... | 21 |
| Điều 22. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên: | 21 |
| CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY | 21 |
| Điều 23. Lựa chọn người điều hành Công ty: | 21 |
| Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Giám đốc: | 21 |

| | | |
|---|--|----|
| Điều 25. | Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó giám đốc:..... | 22 |
| Điều 26. | Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:..... | 22 |
| Điều 27. | Trình tự và hồ sơ bổ nhiệm người điều hành Công ty:..... | 22 |
| Điều 28. | Thời hạn (nhiệm kỳ) bổ nhiệm lại chức vụ người điều hành Công ty:..... | 24 |
| Điều 29. | Điều kiện để bổ nhiệm lại: | 24 |
| Điều 30. | Trình tự và hồ sơ bổ nhiệm lại: | 24 |
| Điều 31. | Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty: | 25 |
| Điều 32. | Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty: | 25 |
| Điều 33. | Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty: | 26 |
| CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC | | 26 |
| Điều 34. | Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc:..... | 26 |
| Điều 35. | Giám đốc: | 27 |
| Điều 36. | Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT:..... | 27 |
| Điều 37. | Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: | 27 |
| Điều 38. | Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc:..... | 27 |
| Điều 39. | Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát: | 27 |
| Điều 40. | Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc: | 28 |
| CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI TV HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH | | 30 |
| Điều 41. | Đánh giá hoạt động hàng năm đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành Công ty: | 30 |
| Điều 42. | Khen thưởng: | 30 |
| Điều 43. | Xử lý vi phạm và kỷ luật:..... | 30 |
| Điều 44. | Tiền lương, thù lao đối với thành viên độc lập HĐQT: | 30 |
| CHƯƠNG X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY | | 31 |
| Điều 45. | Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:..... | 31 |
| Điều 46. | Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:..... | 31 |
| Điều 47. | Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:..... | 31 |
| Điều 48. | Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:..... | 31 |
| CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | | 31 |
| Điều 49. | Hiệu lực thi hành: | 31 |

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty) được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/9/2017, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp 2014.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý nhằm đánh giá hiệu quả việc thực hiện quản trị của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ:

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;
 - **“Tổng công ty”** là Công ty mẹ: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
 - **Người điều hành doanh nghiệp/Công ty** là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - **“Người có liên quan”** được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - + Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - + Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - + Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - + Người quản lý doanh nghiệp;
 - + Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của nhân viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - + Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;
 - + Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - + Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâm tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

- “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp, cụ thể:

- + Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- + Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- + Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- + Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- + Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

- “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN, BẤT THƯỜNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

Trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo các bước và nội dung cụ thể như sau:

- **Bước 1. Chuẩn bị cho cuộc họp:**

Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là người chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc triệu tập, chủ trì, điều khiển cuộc họp trừ trường hợp ủy quyền cho người khác. Người triệu tập họp phải thực hiện các công việc sau đây:

- 1. Lập danh sách và thông báo mời họp đến cổ đông có quyền dự họp:**

1.1. Kế hoạch tổ chức Đại hội: HĐQT tổ chức họp dự kiến kế hoạch tổ chức Đại hội: Thời gian, địa điểm, ngày đăng ký cuối cùng... Đồng thời công bố thông tin về kế hoạch tổ chức Đại hội theo đúng quy định.

1.2. Chốt danh sách cổ đông: Sau khi có kế hoạch tổ chức Đại hội, Công ty gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) đề nghị chốt danh sách cổ đông chậm nhất mười **(10) ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng theo Mẫu số 07/THQ - Quy chế thực hiện quyền của VSD ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-VSD ngày 25/4/2012. Công ty phải **công bố thông tin** về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông **tối thiểu hai mươi (20) ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng.

1.3. Lập danh sách cổ đông: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký thực hiện quyền của VSD gửi. Danh sách cổ đông này được lập **không sớm hơn năm (05) ngày** trước ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Chuẩn bị tài liệu: Người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Các công việc khác phục vụ đại hội.

1.5. Gửi thông báo mời họp: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp (kèm Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội) đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **chậm nhất mười lăm (15) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

1.6. Kiến nghị về Chương trình họp: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất **ba (03) ngày** làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

1.7. Từ chối các kiến nghị: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 1.6 điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ **đủ từ 5%** cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục **ít nhất sáu (06) tháng** theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- **Bước 2. Tiến hành cuộc họp:**

2.1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

2.1.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2.1.2. Để được tham dự Đại hội, mỗi cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo CMND/Hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (Đối với đại diện cổ đông) để đăng ký với Ban thẩm tra tư cách cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

2.1.3. Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội, ngay sau khi hoàn tất khâu đăng ký, kiểm tra tư cách họp lệ được Ban kiểm tra tư cách cổ đông cấp cho 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu lấy ý kiến biểu quyết (nếu có), hoặc 01 Phiếu bầu cử TV HĐQT/Ban kiểm soát (nếu HĐQT/BKS kết thúc nhiệm kỳ) có đóng dấu treo của Công ty.

2.1.4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2.1.5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho **ít nhất 51%** cổ phần có quyền biểu quyết.

2.1.6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá **ba (03) ngày**, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2.1.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy

quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

2.2. Cách thức bỏ phiếu:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua bằng việc biểu quyết tại Đại hội. Việc biểu quyết được thực hiện theo 02 hình thức: Biểu quyết bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết** (trong trường hợp biểu quyết công khai) hoặc biểu quyết bằng cách bỏ phiếu **Phiếu lấy ý kiến biểu quyết** (trong trường hợp biểu quyết kín) .

2.2.1. Thẻ biểu quyết bao gồm các thông tin:

- Mã số cổ đông;
- Họ và tên của cổ đông/ họ và tên đại diện được ủy quyền;
- Số cổ phần sở hữu và /hoặc đại diện.

2.2.2. Phiếu lấy ý kiến biểu quyết gồm các thông tin:

- Mã số cổ đông;
- Tên cổ đông/đại diện được ủy quyền;
- Số cổ phần sở hữu/được ủy quyền;
- Các nội dung biểu quyết;
- Tình trạng biểu quyết: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến.

2.2.3. Biểu quyết công khai bằng cách giơ Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến một vấn đề được trình bày tại Đại hội, bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lên cao, mặt trước hướng về Đoàn chủ tịch, khi được Chủ tọa lần lượt hỏi về tình trạng biểu quyết (Đồng ý, Không đồng ý và Không có ý kiến).

- Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

- Số thẻ Đồng ý nghị quyết được thu trước, số thẻ Không đồng ý nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu Đồng ý hay Không đồng ý để quyết định.

2.2.4. Biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến biểu quyết:

- Cổ đông/Người đại diện được ủy quyền biểu quyết đánh dấu (√ hoặc X) vào một trong ba ô cần biểu quyết: Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến;

- Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

- Phiếu lấy ý kiến biểu quyết hợp lệ phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phiếu do Công ty phát hành và có đóng dấu treo của Công ty;
- + Phiếu có chữ ký của Cổ đông/Đại diện được ủy quyền hợp lệ;
- + Phiếu không được tẩy xóa, cạo sửa nội dung biểu quyết;
- + Phiếu không được ghi bằng bút chì;

+ Phiếu không ghi thêm nội dung ngoài các nội dung biểu quyết do ĐHĐCĐ đưa ra

- Phiếu được phát ra nhưng không gửi về cho Ban kiểm phiếu được xem là Phiếu trắng. Phiếu trắng được xem là phiếu chọn tình trạng “Không có ý kiến” đối với các nội dung biểu quyết.

2.3. Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

2.3.1. Đối với hình thức biểu quyết công khai thông qua Thẻ biểu quyết:

- Sau khi Chủ tọa hỏi ý kiến của Đại hội về từng nội dung biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ đếm, ghi nhận và tổng hợp tình trạng biểu quyết (Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến) và tỷ lệ biểu quyết theo từng tình trạng so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội;

- Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu.

2.3.2. Đối với hình thức biểu quyết kín thông qua Phiếu lấy ý kiến biểu quyết:

- Sau khi cổ đông hoàn tất việc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu thu thập Phiếu lấy ý kiến biểu quyết từ thùng phiếu, kiểm tra tính hợp lệ và thực hiện việc kiểm phiếu.

- Kết quả biểu quyết sẽ được xác định cho từng nội dung biểu quyết .

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm ghi nhận, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết được ghi thành Biên bản kiểm phiếu, các thành viên Ban kiểm phiếu ký xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

- Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm:

+ Tổng số cổ đông tham dự họp;

+ Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;

+ Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ và không hợp lệ;

+ Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề đã trình Đại hội.

2.4. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 dưới đây, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi **có từ 51% trở lên** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc **có từ 51% trở lên** tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), cụ thể:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (như quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp). Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ khi có thành

viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, quyết định được thông qua khi có ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các nội dung sau được thông qua khi có từ **65% trở lên** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc có từ **65% trở lên** tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), cụ thể:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
- e) Tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2.5. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông về Biên bản kiểm phiếu, trong đó nêu rõ các nội dung đã được thông qua với: Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý, có ý kiến khác, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

- Ban thư ký Đại hội ghi nhận lại để đưa vào Biên bản Đại hội.

2.6. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Ban thư ký Đại hội có trách nhiệm ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.7. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn **hai mươi bốn (24) giờ** hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn **mười lăm (15) ngày** kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

2.8. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn **chín mươi (90) ngày**, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục **ít nhất sáu (06) tháng** có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty

2. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản:

2.1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến; Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.

2.2. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi **ít nhất mười lăm (15) ngày** trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện như Khoản 1.5 - Bước 1 - Điều 3 nêu trên.

2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá

nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm Đồng ý, Không đồng ý và Không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

2.5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

3. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn **mười lăm (15) ngày**, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc thay thế bằng việc đăng tải trên trang

thông tin điện tử của Công ty trong vòng **hai mươi bốn (24) giờ**, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty;
- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 5. Thành phần HĐQT:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là **05 người**. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. **Tối thiểu 1/3** tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.
- Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo **tối thiểu 1/3** tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị **tại quá 05 Công ty khác**.
 - Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ **trên 50%** vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị** có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty ít nhất trong **03 năm** liền trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu **ít nhất 1%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty **ít nhất trong 05 năm** liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn **06 tháng** kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố **tối thiểu mười (10) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục **ít nhất sáu (06) tháng** có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc

tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu thành viên HĐQT:

1. **Bầu bổ sung:** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá **một phần ba (1/3)** so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **ba mươi (30) ngày**, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá **một phần ba (1/3)**;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ khi có thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, quyết định được thông qua khi có **ít nhất 51%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

3. **Bầu thành viên Hội đồng quản trị khi kết thúc nhiệm kỳ** phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 nêu trên;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong **06 tháng** liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức;

d) Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. **Thông báo về bầu HĐQT:** Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT sẽ được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu **mười (10) ngày trước** ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. **Thông báo miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT:** Hội đồng quản trị phải công bố thông tin trong vòng **hai mươi bốn (24) giờ** khi có thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 11. Cách thức ứng cử/ đề cử/ giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT:

1. Đơn ứng cử, đơn đề cử vào chức danh TV HĐQT của cổ đông là **cá nhân**:
 - Đơn ứng cử tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
 - Đơn đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
 - Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
2. Đơn ứng cử, đơn đề cử vào chức danh thành viên HĐQT của cổ đông là **tổ chức**:
 - Đơn đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
 - Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
3. Bản kê khai lý lịch theo mẫu/ Bản tóm tắt quá trình công tác (Ứng viên tự khai, theo mẫu của Công ty);
4. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.

Người ứng cử, được đề cử vào chức danh thành viên HĐQT phải tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông của Công ty về tính chính xác, trung thực của hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT:

Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Trách nhiệm tổ chức và thời gian tổ chức thực hiện:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp **ít nhất năm (05) ngày** làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp **ít nhất một (01) lần**.

2. Tổ chức cuộc họp theo những trường hợp khác:

Ngoài các cuộc họp định kỳ, cuộc họp HĐQT còn được tổ chức trong các trường hợp sau:

2.1. Trường hợp nhằm mục đích bầu Chủ tịch thì trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó, cuộc họp phải được tiến hành. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn **một (01)** thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn **(01) người** trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2.2. Khi có văn bản đề nghị tổ chức cuộc họp từ một trong các đối tượng sau:

- Ban kiểm soát;
- Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, đồng thời những người đề nghị tổ chức họp có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2.3. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên **ít nhất năm (05) ngày** làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (kể cả phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp).

- Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có **ít nhất ba phần tư (3/4)** tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **bảy (07) ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có **hơn một nửa (1/2)** số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

- Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp này có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

5. Cách thức biểu quyết:

5.1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền tham dự họp HĐQT có **một (01)** phiếu biểu quyết (trừ trường hợp 5.2 dưới đây);

5.2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT **không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu** có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

5.3. Theo quy định tại Khoản 5.4 dưới đây, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

5.4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5.5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5.6. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

6. Cách thức ra Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- HĐQT thông qua các quyết định và ra Nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp của HĐQT phải được lập thành biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Theo Khoản 1, Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014, thì khi ghi lại Biên bản họp HĐQT, thư ký cuộc họp cần chú ý, ghi lại các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp; Cuộc họp HĐQT có thể được tiến hành tại trụ sở Công ty hoặc nơi khác, do vậy khi tiến hành họp ở đâu thì người lập biên bản sẽ ghi đúng với thông tin đó;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; Người soạn thảo sẽ ghi lần lượt từng nội dung mà chủ tọa cuộc họp nêu ra để thảo luận;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và thư ký sẽ phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Lưu ý: Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm một bản tương tự bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Trong trường hợp HĐQT họp các vấn đề liên quan đến thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh như: Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, thành lập Chi nhánh Công ty... thì Công ty sẽ phải gửi 01 bản sao biên bản họp HĐQT tới cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày HĐQT thông qua các nội dung thay đổi.

8. Thông báo Biên bản/ Nghị quyết Hội đồng quản trị:

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi Biên bản họp/ Nghị quyết HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản/ Nghị quyết trong thời hạn **mười (10) ngày** kể từ ngày gửi.

CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 13. Kiểm soát viên:

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là **ba (03) người**. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá **năm (05) năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
 - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Kiểm soát viên phải là **kiểm toán viên hoặc kế toán viên** (do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của Công ty).
3. Kiểm soát viên phải không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong **ba (03) năm** liền trước đó.
4. Các Kiểm soát viên bầu **một (01) người** trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là **kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp** và phải làm việc **chuyên trách** tại Công ty.

Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định đề cử, ứng cử thành viên HĐQT tại **Điều 7** ở trên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 16. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

- Các thức bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định bầu thành viên HĐQT tại Điều 8 ở trên .

- Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong **sáu (06) tháng** liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT tại **Điều 10** ở trên.

CHƯƠNG VI: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:

Điều 19. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

- Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT như: Tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

- Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

- Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 20. Cơ cấu của các tiểu ban:

Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, **ít nhất là ba (03) người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Điều 21. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban:

- Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng.

- Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.

- Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên:

1. Trách nhiệm của tiểu ban nhân sự:

Tham mưu, tìm kiếm và đề cử ứng viên nhân sự có đủ năng lực kinh nghiệm, trình độ chuyên môn vào các vị trí quản lý cấp cao của Công ty, đồng thời đề xuất bãi nhiệm các cán bộ quản lý cấp cao không đạt yêu cầu trình HĐQT quyết định.

2. Trách nhiệm của tiểu ban lương thưởng:

Hàng năm căn cứ vào quy mô hoạt động, tình hình SXKD của Công ty xây dựng và đề xuất chế độ lương thưởng của Giám đốc, các chức vụ quản lý cấp cao và CBCNV trình HĐQT quyết định.

CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 23. Lựa chọn người điều hành Công ty:

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của Tổng Công ty.

Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Giám đốc:

Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Giám đốc tuân thủ theo Điều 65 Luật doanh nghiệp, có bổ sung làm rõ thêm cụ thể như sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp.

2. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Tổng Công PVC và người đại diện phần vốn của PVC tại Công ty (do Công ty là Công ty con của PVC có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).

3. Có phẩm chất đạo đức tốt; ý thức tổ chức kỷ luật cao; trung thực, dám làm và dám chịu trách nhiệm; có khả năng thực tiễn; được tập thể tín nhiệm thông qua kết quả lấy phiếu tín nhiệm.

4. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty. Có trình độ học vấn từ bậc đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành khác nhưng đã có ít nhất 02 năm đang công tác ở lĩnh vực được đề nghị bổ nhiệm; Có năng lực tổ chức chỉ đạo; có trình độ về quản lý, ngoại ngữ và có đủ sức khoẻ để làm việc có hiệu quả và đáp ứng được chức trách được giao.

5. Không thuộc các đối tượng đang bị cơ quan, chính quyền và tổ chức Đảng các cấp xem xét kỷ luật hoặc đang trong thời gian chịu thi hành kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên và không thuộc các đối tượng bị cấm đảm nhiệm các chức vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó giám đốc:

Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó giám đốc tương tự như Khoản 1, 3, 4, 5 - tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Giám đốc ở trên.

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng cụ thể như sau:

1. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 52 Luật kế toán.

2. Các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 51 của Luật Kế toán, có bổ sung thêm cụ thể như sau:

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty.

- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

- Thời gian công tác thực tế là kế toán **ít nhất (02) năm** tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Không thuộc các đối tượng đang bị cơ quan, chính quyền và tổ chức Đảng các cấp xem xét kỷ luật hoặc đang trong thời gian chịu thi hành kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên.

Điều 27. Trình tự và hồ sơ bổ nhiệm người điều hành Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty ra quyết định bổ nhiệm (sau khi được **Tổng Công ty chấp thuận bằng văn bản**) đối với các chức danh dưới đây sau:

- Giám đốc Công ty.

- Các Phó Giám đốc Công ty.

- Kế toán trưởng (và Trưởng phòng TC-HC Công ty).

1. Trình tự thực hiện đối với bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ:

a) Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, nguồn cán bộ quy hoạch và sau khi trao đổi trong Ban lãnh đạo, Chủ tịch HĐQT báo cáo (không nhất thiết bằng văn bản) Công ty mẹ - Tổng công ty về chủ trương và phương án nhân sự (từ 1 đến 3 phương án) của Công ty.

b) Khi Tổng công ty đồng ý, Chủ tịch HĐQT thông qua nhận xét đánh giá về nhân sự và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm các cán bộ chủ chốt trong Công ty đối với nhân sự dự kiến.

c) Trên cơ sở phân tích tổng hợp nhận xét, đánh giá và kết quả lấy phiếu tín nhiệm, HĐQT họp thống nhất lựa chọn (nếu có 2-3 ứng cử viên) và Chủ tịch HĐQT ký tờ trình gửi Tổng công ty xem xét, chấp thuận (HĐQT chỉ ra Nghị quyết sau khi có kết quả lấy phiếu tín nhiệm).

d) Sau khi được Tổng công ty chấp thuận bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT ra quyết định bổ nhiệm.

e) Trường hợp Tổng công ty không nhất trí với nhân sự do Chủ tịch/HĐQT Công ty đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải lựa chọn và đề nghị phương án nhân sự khác trình Ban thường vụ và Tổng công ty xem xét.

2. Trình tự thực hiện đối với bổ nhiệm từ nguồn nhân sự bên ngoài:

Trường hợp xét thấy nguồn cán bộ tại chỗ trong quy hoạch của Công ty không thể đáp ứng, Công ty có thể thực hiện việc bổ nhiệm từ nguồn bên ngoài, nhưng phải theo quy trình chung như sau:

- HĐQT thống nhất về chủ trương tăng cường cán bộ từ nguồn bên ngoài và thảo luận về nhân sự do cấp trên giới thiệu hoặc các thành viên HĐQT giới thiệu.

- Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty xác minh lý lịch và tìm hiểu về cán bộ (lấy nhận xét Cán bộ từ đơn vị đang công tác); trao đổi về dự kiến của Công ty cũng như yêu cầu nhiệm vụ với cán bộ và lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác; báo cáo HĐQT về kết quả làm việc.

- Chủ tịch HĐQT trình Tổng công ty xem xét, chấp thuận trước khi ra quyết định.

3. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm:

Đối với trường hợp bổ nhiệm tại chỗ, Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm người điều hành Công ty gồm có:

a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm (Tờ trình cần có đầy đủ nội dung: nhu cầu nhân sự, nguồn nhân sự, nguồn nhân sự dự kiến bổ nhiệm từ nguồn nội bộ hoặc nguồn bên ngoài...);

b) Sơ yếu lịch của người được đề nghị bổ nhiệm, có dán ảnh cỡ 4x6cm (ảnh chụp trong thời hạn **03 tháng** tính đến thời điểm lập hồ sơ) được cơ quan quản lý xác nhận theo mẫu 2C-BNV/2008;

c) Bản tự nhận xét, đánh giá quá trình công tác;

d) Chương trình Hành động nếu được bổ nhiệm;

e) Bản nhận xét, đánh giá của HĐQT, Chủ tịch/Giám đốc Công ty (về ưu/ khuyết điểm...) đối với người được giới thiệu bổ nhiệm;

f) Bản nhận xét (đồng ý hay không đồng ý) của Đảng ủy có kết quả phiếu giới thiệu, tín nhiệm đối với cán bộ

g) Quyết định xếp loại Đảng viên năm gần nhất (đối với cán bộ là đảng viên) và đánh giá kết quả công việc hàng năm;

h) Bản nhận xét của Cấp ủy/ Chính quyền địa phương nơi cư trú theo quy định;

i) Biên bản tổng hợp (kiểm phiếu) lấy phiếu giới thiệu, phiếu tín nhiệm của cán bộ chủ chốt;

- j) Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định;
- k) Giấy khám sức khỏe có thời hạn **03 tháng** tính đến thời điểm lập hồ sơ bổ nhiệm;
- l) Bản kê khai nguồn cho con đi học nước ngoài (nếu có); Báo cáo của cán bộ đảng viên có thân nhân ở nước ngoài.
- m) Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
- n) Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại tố cáo, các giấy tờ liên quan khác đối với người được giới thiệu bổ nhiệm (nếu có);
- o) Rà soát, báo cáo tiêu chuẩn chính trị cán bộ quản lý đề xuất được bổ nhiệm.

Công ty phải xác nhận Hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính xác thực của Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm.

Điều 28. Thời hạn (nhiệm kỳ) bổ nhiệm lại chức vụ người điều hành Công ty:

- Nhiệm kỳ của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm là **năm (05) năm** và có thể được tái bổ nhiệm.

- Khi hết thời hạn bổ nhiệm (**05 năm**) thì phải tiến hành xem xét để bổ nhiệm lại/ hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất **một (01) tháng** (Đối với người điều hành Công ty trong quyết định bổ nhiệm không ghi thời hạn bổ nhiệm khi tới thời hạn năm (5) năm cũng phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm lại).

- Đối với người điều hành còn từ **đủ 02 năm đến dưới 05 năm** công tác trước khi đến tuổi nghỉ hưu, nếu được bổ nhiệm lại thì **thời hạn bổ nhiệm** được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

- Đối với người điều hành **còn dưới 02 năm** công tác trước khi đến tuổi nghỉ hưu, do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định **kéo dài thời gian** giữ chức vụ đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

- Đối với người điều hành khi hết thời hạn bổ nhiệm mà không đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm lại thì HĐQT/Giám đốc báo cáo, xem xét, bố trí phân công công tác khác theo phân cấp.

Điều 29. Điều kiện để bổ nhiệm lại:

- Hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ;
- Đạt tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo quy định tại thời điểm xem xét bổ nhiệm lại, đáp ứng được yêu cầu công tác trong thời gian tới;
- Công ty có nhu cầu;
- Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao;
- Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trình tự và hồ sơ bổ nhiệm lại:

1. Trình tự bổ nhiệm lại:

- Người điều hành Công ty làm báo cáo tự nhận xét đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ theo quy định về đánh giá cán bộ gửi HĐQT/Giám đốc Công ty.

- Đảng ủy Công ty có ý kiến nhận xét, đánh giá.
- Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc Công ty nhận xét thống nhất ý kiến về việc bổ nhiệm lại hay không bổ nhiệm lại. Trên cơ sở đó Chủ tịch HĐQT /Giám đốc Công ty ra quyết định hoặc trình Tổng công ty xem xét, chấp thuận trước khi ra quyết định theo đúng phân cấp.
- Thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm lại/kéo dài thời hạn: Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm thì cấp đó ra quyết định bổ nhiệm lại.

2. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại như sau:

- a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm lại (trong đó nêu rõ nhu cầu cần bổ nhiệm lại và đánh giá, Tờ trình cần có đầy đủ nội dung: nhu cầu nhân sự, nguồn nhân sự, nguồn nhân sự dự kiến bổ nhiệm từ nguồn nội bộ hoặc nguồn bên ngoài...);
- b) Sơ yếu lịch của người được đề nghị bổ nhiệm, có dán ảnh cỡ 4x6cm (ảnh chụp trong thời hạn 03 tháng tính đến thời điểm lập hồ sơ) được cơ quan quản lý xác nhận theo mẫu 2C-BNV/2008;
- c) Văn bằng, chứng chỉ bổ sung so với lần đầu (nếu có thay đổi);
- d) Bản kê khai tài sản nếu có thay đổi so với năm trước liền kề so với thời điểm bổ nhiệm lại (nếu không thay đổi có thể sử dụng Bản kê khai Tài sản cuối năm liền kề);
- e) Bản tự nhận xét, đánh giá hàng năm của cán bộ;
- f) Bản đánh giá cả nhiệm kỳ của cấp có thẩm quyền;
- g) Chương trình Hành động nếu được bổ nhiệm lại;
- h) Bản nhận xét của Cấp ủy hoặc Chính quyền cơ sở nơi nhân sự cư trú thường xuyên về việc chấp hành pháp luật của cán bộ và gia đình nơi cư trú;
- i) Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm của cán bộ chủ chốt;
- j) Giấy khám sức khỏe tại thời điểm lập bổ nhiệm lại.

3. Hồ sơ kéo dài thời gian công tác:

- a) Bản tự nhận xét, đánh giá hàng năm của cán bộ;
- b) Bản đánh giá cả nhiệm kỳ của cấp có thẩm quyền (HĐQT: Đối với Giám đốc; Giám đốc: Đối với các người điều hành còn lại).

Điều 31. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty:

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm cán bộ điều hành Công ty, Công ty phân cấp việc ký hợp đồng như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) đối với Giám đốc.
- Giám đốc ký hợp đồng lao động với các Phó giám đốc và Kế toán trưởng (Theo Ủy quyền của HĐQT).

2. Hội đồng quản trị quyết định thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc; và kể cả thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Phó Giám đốc và Kế toán trưởng sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty:

1. Cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý người điều hành quyết định miễn nhiệm chức vụ đối với người điều hành do vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức, năng lực

yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức hoặc bãi nhiệm. Miễn nhiệm gắn với yếu tố chủ quan do người điều hành gây nên.

2. Việc xem xét miễn nhiệm người điều hành căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

- Người điều hành bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế.

- Người điều hành bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc bãi nhiệm.

- Người điều hành không đủ năng lực, uy tín để làm việc thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Trong 2 năm liên tiếp của nhiệm kỳ giữ chức vụ không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Trong một nhiệm kỳ hoặc hai nhiệm kỳ giữ chức vụ liên tiếp, bị hai lần xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên liên quan đến chức trách nhiệm vụ được giao.

+ Để Công ty mất đoàn kết hoặc làm Công ty mất đoàn kết theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

+ Bị cơ quan kiểm tra, thanh tra có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định về những việc đảng viên, cán bộ không được làm.

3. Quy trình miễn nhiệm Người điều hành Công ty:

- HĐQT/ Giám đốc căn cứ Mục 2, điều này đề xuất miễn nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình bao gồm bản tự nhận xét, kiểm điểm của người điều hành; các văn bản có liên quan khi xem xét miễn nhiệm (quyết định kỷ luật, văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền có liên quan đến người điều hành...); tóm tắt lý lịch người điều hành; nhận xét, đánh giá người điều hành trong nhiệm kỳ, thời hạn giữ chức vụ.

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty:

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành trong nội bộ Công ty và công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ theo đúng **Điểm n, Khoản 1 Điều 9** của Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 34. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc: Tương tự như cuộc họp của HĐQT tại **Điều 12 nêu trên**.

2. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Trong vòng **ba (3) ngày** làm việc kể từ ngày ban hành, Nghị quyết cuộc họp của HĐQT sẽ được chuyển bản sao hoặc có thể gửi bằng thư điện tử cho Ban kiểm soát.

Điều 35. Giám đốc:

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Tại cuộc họp HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông, Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 36. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT:

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT hành trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi Giám đốc hoặc Ban kiểm soát đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn, cụ thể:

1. HĐQT hoặc thành viên HĐQT vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản trị điều hành hoặc hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

2. Có vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông mà cần thiết phải tổ chức ngay cuộc họp HĐQT để giải quyết.

3. Một số vấn đề khác mà Giám đốc/Ban kiểm soát cho là cần thiết.

Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Giám đốc/hoặc Ban kiểm soát có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

- Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi HĐQT. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng tháng/ quý/ năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT.

- Hàng quý, sáu tháng và hàng năm, HĐQT kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện.

Điều 38. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc:

Tại các cuộc họp Quý của HĐQT, Giám đốc phải có báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao/ tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các vấn đề đã được HĐQT ủy quyền giữa 02 kỳ họp để HĐQT nắm bắt và có phương án xử lý kịp thời.

Điều 39. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát:

Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho HĐQT và Ban kiểm soát trong thời hạn **một (01) giờ**, kể từ khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:

1. Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.

2. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý cấp cao; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.

Các báo cáo, tài liệu phải được lập và gửi bằng văn bản cho HĐQT và Ban kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại fax, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

Điều 40. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc:

1. Việc phối hợp công tác giữa HĐQT và Giám đốc Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý và điều hành SXKD của Công ty được thực hiện theo Quy chế phối hợp công tác giữa Ban thường vụ Đảng ủy, HĐQT và Giám đốc Công ty.

2. Việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của mình như sau:

2.1. Đối với Ban kiểm soát:

2.1.1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với HĐQT, thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2.1.2. Ban Kiểm soát có quyền kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

2.1.3. Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty. Tại các cuộc họp này, HĐQT phải tiếp thu và ghi nhận các ý kiến đóng góp, đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát (nếu có).

2.1.4. HĐQT phải tạo điều kiện để Ban kiểm soát phát huy tác dụng công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.

2.1.5. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của Ban kiểm soát, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và các cá nhân liên quan, đồng thời khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát theo quy định của Công ty.

2.1.6. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành Công ty khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

2.2. Đối với Giám đốc:

2.2.1. Thành viên của HĐQT không được nhân danh HĐQT can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Giám đốc trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2.2.2. HĐQT tạo điều kiện cho Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.2.3. HĐQT có thể tham dự các cuộc họp giao ban hàng ngày hoặc các cuộc họp khác của Ban điều hành Công ty.

2.2.4. HĐQT có quyền sử dụng các Phòng ban chức năng hoặc các chuyên viên của Công ty giúp cho công việc của HĐQT.

2.2.5. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác điều hành của Giám đốc. Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT.

2.2.6. Đối với các vấn đề nội dung HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định: HĐQT có quyền yêu cầu TV HĐQT, Giám đốc, các Phòng ban chuyên môn Công ty chuẩn bị các nội dung cần thiết để Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, quyết định. Các nội dung trên phải được gửi cho HĐQT ít nhất **bốn mươi lăm (45) ngày** trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2.7. Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT: Giám đốc có trách nhiệm lập tờ trình gửi HĐQT (kèm theo tờ trình là các văn bản, tài liệu có liên quan đến các nội dung cần trình và phải gửi cho HĐQT chậm nhất **03 (ba)** ngày làm việc trước ngày họp/ lấy ý kiến HĐQT, để HĐQT xem xét, quyết định. Trong quá trình xem xét quyết định các nội dung mà Giám đốc trình, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc bổ sung các tài liệu liên quan và làm rõ các nội dung mà Giám đốc trình, trước khi HĐQT ra quyết định.

Tất cả các tài liệu do Giám đốc trình và gửi HĐQT phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để HĐQT có cơ sở xem xét, giải quyết.

2.2.8. Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc: Giám đốc trực tiếp quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này. Sau khi ra quyết định, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT.

(Đính kèm Phụ lục: Bảng phân cấp quyền hạn giữa ĐHĐCĐ, HĐQT và Giám đốc).

2.2.9. Khi Giám đốc ra quyết định ký bất kỳ văn bản nào trái quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty thì HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc hủy bỏ văn bản đó. Nếu Giám đốc không thi hành thì Chủ tịch HĐQT có quyền ra văn bản đình chỉ thi hành quyết định này và ra thông báo tới tất cả thành viên HĐQT và Ban điều hành.

2.2.10. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phải trao đổi công việc thường xuyên với nhau **ít nhất 1 tuần/lần**.

2.2.11. Giám đốc có quyền đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường HĐQT để xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.

Khi có thư mời, Giám đốc có thể tham dự các cuộc họp HĐQT, nhưng Giám đốc không có quyền biểu quyết nếu không phải đồng thời là TV HĐQT.

2.2.12. Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

2.2.13. Giám đốc được quyền không thực hiện và kiến nghị điều chỉnh những quyết định của HĐQT trái pháp luật, trái với quy định nội bộ và Điều lệ Công ty. Nếu HĐQT không có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn **07 (bảy) ngày**, thì tùy theo yêu cầu về thời gian, tính chất của vụ việc cụ thể, Giám đốc báo cáo với Cấp trên (Tổng công ty) hoặc đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường ĐHĐCĐ để xử lý.

2.2.14. Phân cấp quyền hạn giữa HĐQT và Giám đốc: Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, HĐQT có thể ủy quyền cho Giám đốc quyết định bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI TV HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 41. Đánh giá hoạt động hàng năm đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành Công ty:

Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công và kết quả hoạt động SXKD của Công ty, HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng Công ty tổ chức kiểm điểm phê bình và tự phê bình, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình, việc phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được chia ra như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Hoàn thành nhiệm vụ
- Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 42. Khen thưởng:

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ .

2. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.

3. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 43. Xử lý vi phạm và kỷ luật:

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động SXKD, kết quả thực hiện nhiệm vụ để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cán bộ điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các Người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Tiền lương, thù lao đối với thành viên độc lập HĐQT:

Đối với Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách: Tiền lương, thù lao được thực hiện tương ứng với mức tiền lương, thù lao của thành viên chuyên trách HĐQT của Công ty.

Đối với Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách: Mức thù lao thực hiện (tính theo tháng) không vượt quá 20% mức tiền lương, thù lao của thành viên chuyên trách HĐQT của Công ty (vận dụng Điều 16, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội).

CHƯƠNG X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:

Điều 45. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất **một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty** để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người Phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định Khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động

Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Công ty có thể thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu thấy cần thiết) .

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Hiệu lực thi hành:

1. Quy chế này gồm XI Chương 49 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

| Stt | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|------------|--|---|---|
| I. | Trong lĩnh vực điều hành hoạt động của Công ty: | | |
| 1. | Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty | Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty (HĐQT phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đầu tư; đơn giá tiền lương; Việc cho thuê, nhượng bán thanh lý tài sản (thuộc phân cấp đầu tư của HĐQT) hoặc VTTB. | Chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch SXKD kinh doanh thuộc thẩm quyền của Giám đốc và trình HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch SXKD đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. |
| 2. | | Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. | Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. |
| 3. | | Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về phương án SXKD hoặc đầu tư của Công ty. | Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty. |
| 4. | | Thông qua: bản Dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính. | Trình HĐQT thông qua: bản Dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính. |
| II. | Trong lĩnh vực phát hành, mua, bán lại cổ phần/ trái phiếu: | | |
| 1. | Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành đối với mỗi loại cổ phần | Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại | |
| 2. | Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại | Quyết định việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. | |
| 3. | | Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. | |
| 4. | | Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty. | |
| 5. | | Việc mua hoặc bán cổ phần, | |

| Stt | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|-------------|--|--|--|
| | | phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài. | |
| 6. | | Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. | |
| III. | Trong lĩnh vực huy động vốn: | | |
| 1. | | Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty. | |
| 2. | | Phê chuẩn việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ. | |
| 3. | | Phê duyệt vay vốn ngân hàng/ hoặc các tổ chức tài chính/ hoặc các cá nhân để phục vụ hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. | Đề xuất vay vốn ngân hàng/ hoặc các tổ chức tài chính/ hoặc các cá nhân để phục vụ hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. |
| IV. | Trong vấn đề chi trả cổ tức: | | |
| 1. | Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. | Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh. |
| V. | Trong lĩnh vực đầu tư: | | |
| 1. | Quyết định giao dịch đầu tư/ bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán. | Quyết định giao dịch đầu tư/ bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán. | Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản sau khi có chủ trương hoặc có ủy quyền của HĐQT. |
| 2. | | Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm. | |
| 3. | | Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. | Đề xuất và trình phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. |
| 4. | | Quyết định việc góp vốn, mua | |

| Stt | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|-------------|--|---|---|
| | | cổ phần của doanh nghiệp khác. | |
| 5. | | Quyết định về việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. | Đề xuất và trình việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. |
| VI. | Trong lĩnh vực ký kết hợp đồng: | | |
| 1. | Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. | Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị $< 35\%$ tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. | Giám đốc phải thông báo HĐQT và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời <u>kèm theo dự thảo Hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu</u> của giao dịch để HĐQT/ ĐHĐCĐ thông qua. |
| 2 | Hợp đồng <u>đầu tư/ bán</u> tài sản có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán | Hợp đồng <u>đầu tư/ bán</u> tài sản có giá trị $< 35\%$ tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán | Giám đốc trình HĐQT/ ĐHĐCĐ <u>Dự thảo Hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu</u> của giao dịch để HĐQT/ ĐHĐCĐ thông qua. |
| 3 | | Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. | Ngoài các Hợp đồng thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT nêu trên và ở cột bên, Giám đốc được quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị $< 35\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. |
| VII. | Trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự: | | |
| 1. | Quyết định: - Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty. - Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý. | Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty. | |
| 2. | | Quyết định cơ cấu tổ chức, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện. | Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty. |
| 3. | Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. | Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; | |
| 4. | | Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; | Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm |

| Stt | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|-----|--|---|---|
| | | Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. | nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý. |
| 5. | | Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng/ Phó các Phòng, ban và Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc. | Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh là cấp Trưởng/phó các Phòng, ban và Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. |
| 6. | Thông qua quyết định: Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. | Đề xuất mức thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ | |
| 7. | | Quyết định mức lương của Giám đốc và người điều hành Công ty. (Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty). | Kiến nghị thù lao, tiền lương, lợi ích khác đối với người điều hành Công ty để HĐQT quyết định. |
| 8. | | Vào Quý IV hàng năm, phê duyệt định biên lao động và số lượng người cần tuyển dụng và quỹ lương của người lao động trong năm kế tiếp. | <ul style="list-style-type: none"> - Vào Quý IV hàng năm, trình HĐQT định biên lao động và số lượng người cần tuyển dụng và quỹ lương của người lao động trong năm kế tiếp; - Từ đó thực hiện tuyển dụng/ tinh giảm nhân sự theo kế hoạch; - Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ. |
| 9. | Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông. | | |

| Stt | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|--------------|--|--|---|
| VIII. | Trong lĩnh vực phê duyệt quy chế nội bộ của Công ty: | | |
| 1. | Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. | Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua. | |
| 2. | | Phê duyệt quy chế quản lý nội bộ của Công ty. | Kiến nghị/ đề xuất trình quy chế quản lý nội bộ của Công ty. |
| IX. | Một số trách nhiệm khác tại Đại hội Đồng cổ đông: | | |
| 1. | <ul style="list-style-type: none"> • Thông qua: - Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; - Báo cáo của HĐQT; - Báo cáo của Ban Kiểm soát; - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ; - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn; - Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập; ... | <ul style="list-style-type: none"> • Duyệt: chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ. • Trình: - Báo cáo quyết toán tài chính hằng năm; - Báo cáo của HĐQT về hoạt động của mình (<i>Trong đó có việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và người điều hành trong năm tài chính</i>); - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ; - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; - Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập; - Báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc; ... | <ul style="list-style-type: none"> • Soạn thảo: - Soạn thảo các Tờ trình để HĐQT trình ĐHCĐ; - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn. • Trình: - Báo cáo của Ban giám đốc. |